



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Tuyên truyền, tập huấn nâng cao kiến thức về bảo vệ môi trường trên địa bàn thị xã Duyên Hải năm 2021

Năm 2021

NỘI DUNG

Chuyên đề 1. Các vấn đề môi trường hiện nay

Chuyên đề 2. Chỉ thị số 15-CT/TU ngày
28/12/2016 của Tỉnh ủy

Chuyên đề 3: Một số quy định về bảo vệ môi trường

Chuyên đề 4. Tác hại của sản phẩm nhựa dùng một lần

Chuyên đề 1. Các vấn đề môi trường hiện nay; Tác động của ô nhiễm môi trường nông thôn. Tác động của chất thải rắn sinh hoạt đối với môi trường tự nhiên, sức khỏe cộng đồng và kinh tế, xã hội.

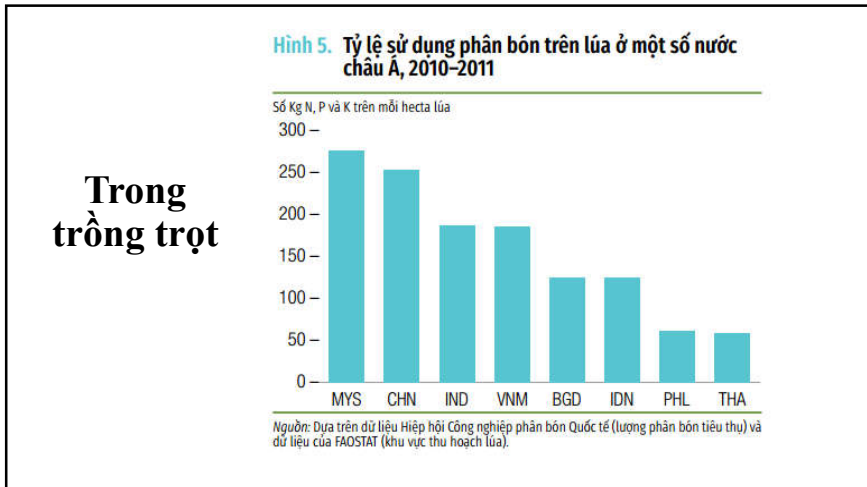
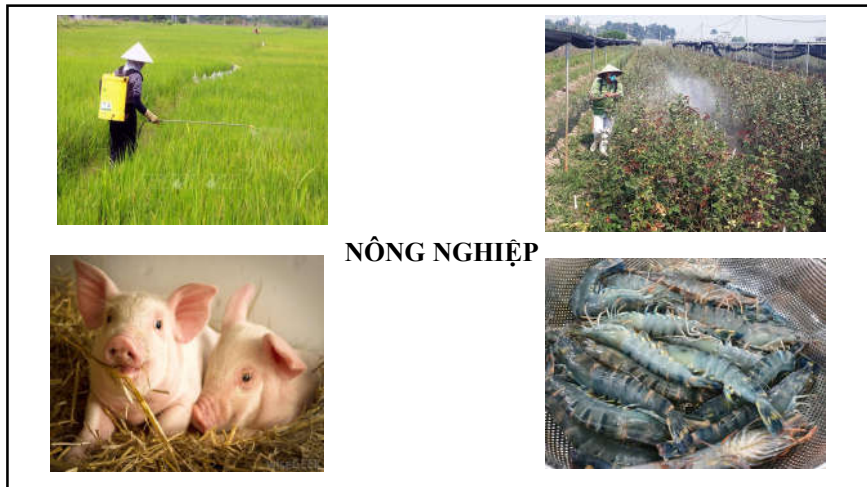
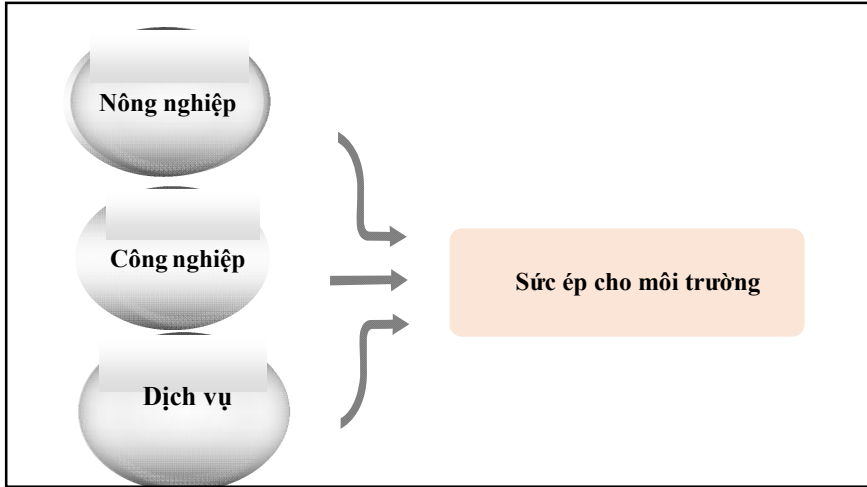
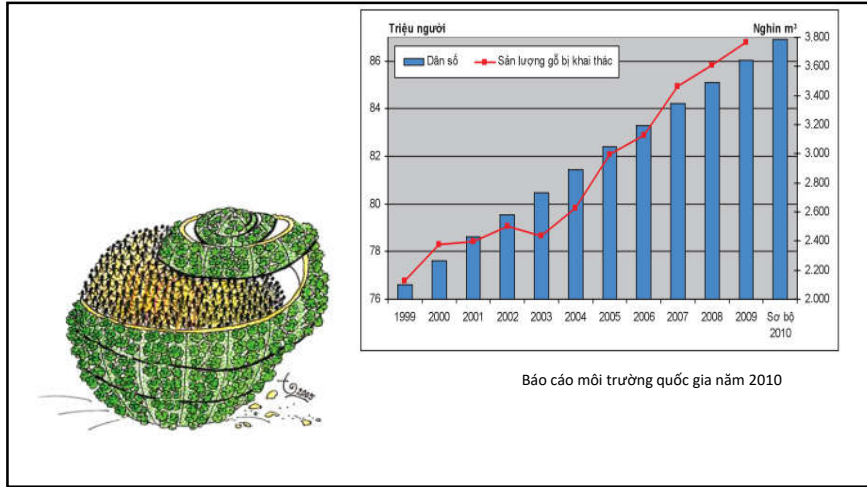
Phát triển dân số, đô thị hóa, sức ép cho môi trường

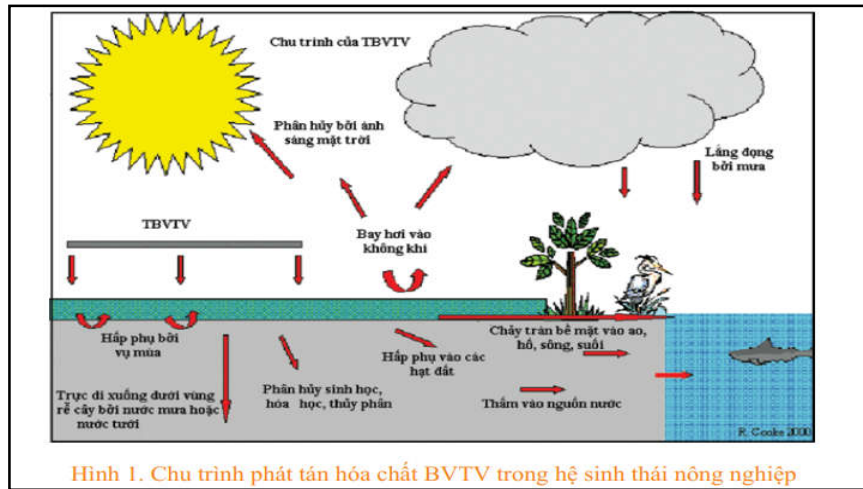


Dân số Việt Nam:
Đông Nam Á: thứ 3
Châu Á: thứ 8
Thế giới: thứ 15

Dân số tăng nhanh: đòi hỏi về đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt, giáo dục, nhà ở, việc làm... tăng cao => sức ép khai thác nguyên liệu đáp ứng nhu cầu...=> sức ép cho môi trường.







Theo một số tài liệu, các ruộng lúa canh tác đã trở thành vùng chết, không có ốc sên, ếch, cá, chuột, và các sinh vật khác đã từng sinh sống ở đó.

Chỉ có khoảng 17% nông dân được báo cáo thu thập các thùng chứa và chôn chúng hoặc bán chúng để tái chế

10

- Ví dụ, một nghiên cứu ở ĐBSCL đã phát hiện ra một số vùng nước mặt bị ô nhiễm bởi thuốc trừ sâu vì chúng không thích hợp cho các hoạt động nông nghiệp (UNUEHS 2010). Rủi ro về thuốc trừ sâu đã ảnh hưởng xấu đến thủy sản trên sông. Nước ngầm tiếp cận qua giếng cũng đã được tìm thấy có chứa dư lượng thuốc trừ sâu vượt quá tiêu chuẩn nước sạch an toàn (Lamers và các cộng sự., 2011). Điều này đặc biệt gây hại cho nông dân và cộng đồng nông thôn, những nơi bị ngộ độc thuốc trừ sâu và các bệnh ung thư có liên quan (Dasgupta và cộng sự 2007).
- Tuy nhiên, nó cũng ảnh hưởng đến người tiêu dùng một cách rộng rãi hơn bởi vì cây trồng thường được thu hoạch quá sớm sau khi phun xịt thuốc trừ sâu, dẫn đến mức độ không an toàn đối với sản phẩm (Hoai và cộng sự, 2011) và đã phát hiện được 12 loại thuốc trừ sâu có tỷ lệ vượt quá tiêu chuẩn nước uống, trong các mẫu cá.

Một nghiên cứu cho thấy 98% nông dân được điều tra ở đồng bằng sông Cửu Long đốt rơm sau vụ đông xuân, 90% đốt sau mùa hè và 54% đốt sau mùa thu-đông (Trần Sỹ Nam và AI 2014).

Hình 6. Phân tích phát thải GHG nông nghiệp ở Việt Nam, ước tính năm 2014

Loại phát thải	Tỷ lệ (%)
Canh tác lúa	30%
Phân bón tổng hợp	33%
Chăn nuôi	25%
Khác	6%

Phát thải bao gồm SO₂, NO_x, CO, cacbon đen, cacbon hữu cơ (OC), CH₄, các hợp chất hữu cơ bay hơi cacbon dioxit (VOC), nonmethane Hydrocarbon (NMHC), O₃, bình xịt hơi nước, và các chất khác

nông nghiệp là ngành đóng góp lớn thứ hai cho phát thải khí nhà kính nói chung và sản xuất lúa gạo là nguồn phát thải nông nghiệp hàng đầu

Ngành thủy sản



Các loại nuôi thâm canh và bán thâm canh, và vấn đề ô nhiễm mà chúng gây ra là do sử dụng quá nhiều và không đúng đầu vào bao gồm thức ăn, hóa chất xử lý nước, thuốc kháng sinh và các thuốc khác và để quản lý nước thải.

Các chất gây ô nhiễm này bắt nguồn từ một loạt các hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản, hoặc "các hệ thống con", bao gồm xây dựng ao, xử lý ao, lượng nước, thả giống, nuôi dưỡng, trao đổi nước, xả bùn, thu hoạch.

Trang trại nuôi cá tra

Ngành thủy sản

Ô nhiễm nguồn gốc nuôi trồng thủy sản bắt nguồn chủ yếu từ việc xả nước thải không qua xử lý vào các nguồn nước địa phương. Đến năm 2014, các trang trại nuôi cá tra được ước tính đã tạo ra hơn 10 tỷ mét khối nước thải có 51.336 tấn nitơ và 16.070 tấn phốt pho (Nguyễn Cổ V. 2017). Phần lớn các chất gây ô nhiễm này được thải ra các kênh rạch địa phương và cuối cùng đến hệ thống sông Mekong đồng bằng sông Mekong, mà không qua xử lý trước, mặc dù hầu hết các hộ gia đình ở nông thôn đều phụ thuộc vào nước mặt để sử dụng làm nước sinh hoạt và các mục đích sử dụng khác. Ước lượng lượng nước thải liên quan đến nuôi tôm nhỏ hơn. Sản xuất tôm thâm canh đã tạo ra khoảng 4,4 tỷ mét khối nước thải, chứa 25.344 tấn nitơ và 6.336 tấn phốt pho (Nguyễn Cốc 2017). Ước 75% số lượng này được thải vào các con sông địa phương ở vùng duyên hải đồng bằng sông Cửu Long (Nguyễn Cổ V. 2017)

Ngành chăn nuôi



Ước tính 80 triệu tấn chất thải gia súc phát sinh mỗi năm là các chất dinh dưỡng, chất gây bệnh và các hợp chất dễ bay hơi làm ảnh hưởng đến chất lượng nước và không khí và làm hư hại đất. Ví dụ, trong chăn nuôi lợn, khoảng 70- 90% lượng nitơ, khoáng chất (phốt pho, kali, magiê và các loại khác), và các kim loại nặng chứa trong thức ăn được cho là thải ra môi trường (Định 2017). Mức ô nhiễm nước bản do coliform do các trang trại chăn nuôi nhỏ cao gấp 278 lần so với mức cho phép, trong khi chăn nuôi thương phẩm cao gấp 630 lần so với mức cho phép trong một nghiên cứu (Phùng và cộng sự 2009)

CÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG, Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG



Các khu công nghiệp: nguồn thải từ KCN nghiệp dù tập trung nhưng thải lượng rất lớn, trong khi một số khu vực công tác quản lý, xử lý CTCN còn nhiều hạn chế.

Làng nghề: trình độ công nghệ sản xuất ở các làng nghề còn thấp, lạc hậu, làng nghề phân bố rải rác thiếu tập trung, nhận thức của người dân về BVTM còn kém... làm cho làng nghề và các cụm CN nhỏ lẻ tại các làng nghề đang là tác nhân gây ô nhiễm môi trường.



DN nằm ngoài KCN, Cụm CN: các DN nhỏ phân bố rải rác trong các KDC, tập trung trong các khu vực đô thị gia công sản xuất cho các doanh nghiệp lớn với công nghệ lạc hậu tiêu tốn nhiều nhiên liệu và có tỷ lệ phát thải cao. Do đặc tính phân tán trên diện rộng, số lượng doanh nghiệp lớn, nằm xen lẫn trong khu dân cư... DN vừa và nhỏ là đối tượng rất khó kiểm soát về mặt môi trường.



Mặc dù có những quy định BVMT trong xây dựng như vận chuyển nguyên liệu, che chắn bụi, xả thải chất thải đối với thi công các công trình, phương tiện chuyên chở vật liệu, nhưng việc phát thải chất ô nhiễm từ hoạt động này là nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước rất lớn

PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ, Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG



Biển Ba Động trong ngày lễ

Phát triển du lịch: đồng nghĩa với việc gia tăng lượng khách du lịch, tăng cường hoạt động xây dựng, phát triển CSHT, dịch vụ du lịch, gia tăng nhu cầu sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

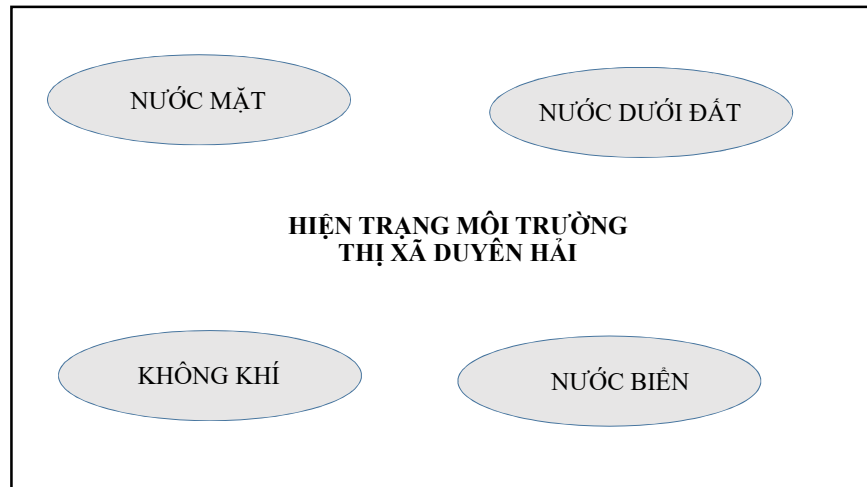


Ao Bà Om



Phát triển giao thông vận tải: quá trình gia tăng không ngừng các phương tiện giao thông (đặc biệt là phương tiện cá nhân như ô tô, xe máy) gây áp lực lớn cho môi trường không khí



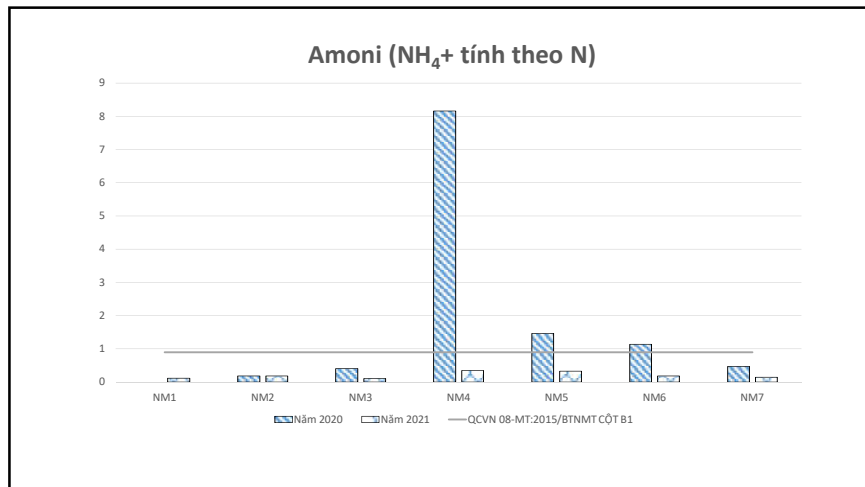
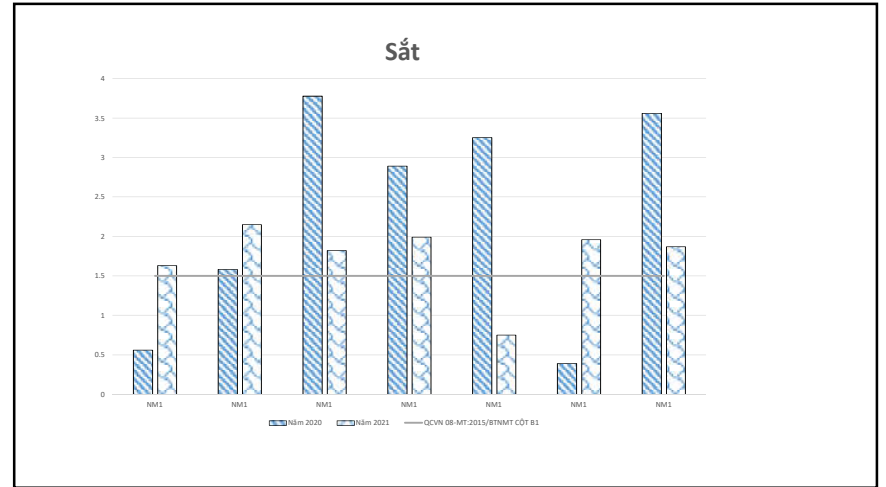
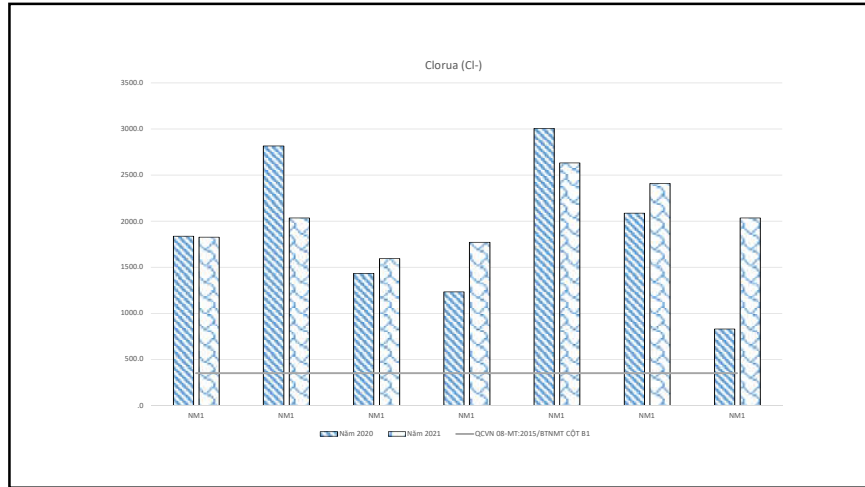


KHẢO SÁT MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT TXDH

Điểm khảo sát nước mặt

Mã số mẫu	Địa điểm thu mẫu
NM01	Xã Dân Thành kênh chi bộ
NM02	Xã Dân Thành – Trường Long Hòa cầu Cồn Tàu
NM03	xã Long Toàn – Dân Thành Cầu Kênh Xáng
NM04	Xã Hiệp Thạnh sông Giăng đoạn chợ Hiệp Thạnh
NM05	Phường 2 Cống Long Hữu
NM06	Phường 1 sông Long Toàn (đoạn bờ kè chợ Duyên Hải)
NM07	Xã Trường Long Hòa sông Ba Động

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm mặt														QCVN 08-MT:2015/BTNMT CỘT B1
			2020	2021	2020	2021	2020	2021	2020	2021	2020	2021	2020	2021	2020	2021	
1	pH	-	7,53	6,12	7,23	6,82	7,25	6,33	7,13	6,42	7,36	7,12	7,13	7,55	7,01	6,86	5,5 – 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	31	23	21	33	19	31	32	21	30	23	32	29	35	25	50
3	COD	mg/L	27	20	23	15	18	19	26	17	21	17	24	11	29	23	30
4	BOD ₅	mg/L	12	9	11	7	8	11	12	9	10	8	10	6	12	10	15
5	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	4,49	4,52	4,56	4,69	4,59	4,55	4,46	4,82	4,53	4,88	4,52	5,03	4,79	4,72	≥4
6	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	1.836	1.825	2.816	2.033	1.432	1.593	1.233	1.772	3.008	2.633	2.086	2.411	829	2.036	350
7	Sắt	mg/L	0,56	1,63	1,58	2,15	3,78	1,82	2,89	1,99	3,25	0,75	0,39	1,96	3,56	1,87	1,5
8	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	KPH (0,05 - 0,010)	0,12	0,18	0,18	0,41	0,11	8,16	0,35	1,47	0,33	1,14	0,18	0,47	0,15	0,9
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	0,82	1,23	1,43	0,98	1,15	0,75	1,32	1,15	0,73	0,31	0,93	0,45	0,32	0,66	10
10	Photphat (PO ₄ ³⁻)	mg/L	KPH (0,05 - 0,02)	0,063	0,052	0,078	0,26	0,088	0,11	0,052	0,038	0,065	0,042	0,055	KPH	0,023	0,3
11	coliform	MPN/10 0mL	1900	5.400	2400	3.500	2600	5.000	2700	7.000	1700	6.000	2400	5.000	2700	5.400	7.500



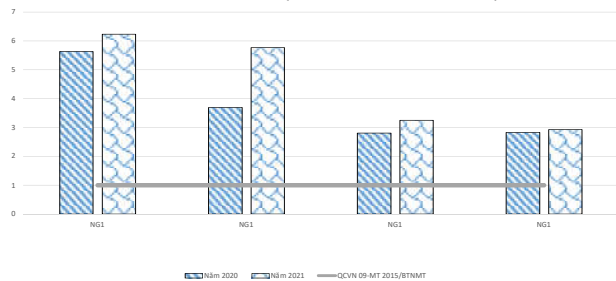
KHẢO SÁT MÔI TRƯỜNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT TXDH

Điểm khảo sát nước dưới đất

Mã số mẫu	Địa điểm thu mẫu
NN1	Xã Trường Long Hòa khu vực trung tâm xã
NN2	Xã Long Toàn khu vực ấp Bảo Sen
NN3	Xã Dân Thành khu vực UBND xã Dân Thành
NN4	Phường 1 khu vực trung tâm phường 1

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả nước dưới đất								QCVN 09-MT 2015/BTNMT
			NG1		NG2		NG3		NG4		
			Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	
	pH*		6,85	6,99	7,65	7,05	7,26	6,55	7,01	7,45	5,5 – 8,5
2	Độ cứng tổng số (Tinh theo CaCO ₃)**	mg/L	92,3	77,2	72	96,3	95	56,3	111	75,2	500
3	SO ₄ ²⁻ **	mg/L	81,3	82,3	102	85,1	82,1	93,2	91,4	82,5	400
4	Cl ⁻ **	mg/L	52,6	32,6	12,3	33,2	8,05	44,6	11,9	49,3	250
5	NH ₄ ⁺ (tính theo N)**	mg/L	5,64	6,23	3,69	5,77	2,81	3,25	2,83	2,93	1
6	NO ₂ (tính theo N)**	mg/L	KPH (MDL = 0,003)	KPH	KPH (MDL = 0,003)	KPH	KPH (MDL = 0,003)	KPH	0,81	KPH	1
7	NO ₃ (tính theo N)**	mg/L	0,19	0,23	0,29	0,49	0,36	1,23	0,54	0,96	15
8	Chỉ số manganat*	mg/L	0,61	1,33	0,78	1,95	0,64	0,99	0,65	0,75	4
9	Fe*	mg/L	0,24	0,36	0,21	0,75	0,27	1,22	0,31	0,99	5
10	Coliform*	MPN/100mL	KPH (MDL = 0,003)	KPH	KPH (MDL = 0,003)	KPH	KPH (MDL = 0,003)	KPH	KPH (MDL = 0,003)	KPH	3

Amoni (NH₄⁺ tính theo N)



KHẢO SÁT MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

Điểm khảo sát không khí tiếng ồn

Mã số mẫu	Địa điểm thu mẫu không khí, tiếng ồn
KK1	Xã Hiệp Thành gần HTX nuôi nghêu Thành Đạt
KK2	Xã Dân Thành dưới hướng gió xung quanh nhà máy nhiệt điện Duyên Hải (trong bán kính từ 1.000 – 1.500m)
KK3	Khu tái định cư ấp Mù U
KK4	Phường 1 vòng xoay ngã 5

Ký hiệu	tiếng ồn (dBA)		Bụi (mg/m ³)		CO (mg/m ³)		SO ₂ (mg/m ³)		NO ₂ (mg/m ³)	
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021
KK1	45,8	63	0,157	0,25	5,179	2,11	0,058	0,063	0,052	0,041
KK2	62,9	65	0,128	0,16	5,286	2,05	0,069	0,041	0,053	0,035
KK3		66	KKS	0,19	KKS	1,98	KKS	0,037	KKS	0,029
KK4	69,8	67	0,146	0,15	5,34	2,45	0,066	0,032	0,052	0,025
Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05 : 2013/BTNMT)			0,3		30		0,35		0,2	

Ghi chú: KKS – điểm không thu mẫu

KHẢO SÁT MÔI TRƯỜNG NƯỚC BIỂN TXDH

Điểm khảo sát nước biển

STT	Ký hiệu mẫu	Địa điểm lấy mẫu
1	NB01	Xã Trường Long Hòa, khu vực nuôi nghêu HTX Phương Đông
2	NB02	Xã Dân Thành, khu vực nhà máy nhiệt điện Duyên Hải (khu vực hòng xả nước làm lát của nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải)
3	1NB03	Xã Trường Long Hòa, bãi tắm Ba động

STT	Thông số	Đơn vị	NB1		QCVN 10:2015/BTNMT	NB2		QCVN 10:2015/BTNMT	NB3		QCVN 10:2015/BTNMT
			2020	2021	Vùng môi trường thủy sản, bảo tồn thủy sinh	2020	2021	Các nơi khác	2020	2021	Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước
1	pH	-	6,21	7,12	6,5 – 8,5	7,11	6,85	6,5-8,5	7,01	6,63	6,5 – 8,5
2	Hàm lượng Oxy hòa tan (DO)	mg/L	4,8	4,63	≥5	4,4	4,55	-	4,7	4,93	≥4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	10	13	50	9,0	15	-	11	19	50
4	Amoni (N, NH ₄ ⁺)	mg/L	0,54	KPH	0,1	0,42	KPH	0,5	0,51	KPH	0,5
5	Phosphat (PO ₄ ³⁻)		0,056	0,032	0,2	0,059	0,045	0,5	0,048	0,019	0,3
6	Sắt (Fe)	mg/L	8,6	0,088	0,5	3,1	0,075	0,5	5,0	0,063	0,5
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL = 0,3)	KPH	0,5	KPH (MDL = 0,3)	KPH	0,5	KPH (MDL = 0,3)	KPH	0,5
8	Coliform	MPN hoặc CFU/100mL	3,4 x 10 ²	KPH	1.000	2,1 x 10 ²	KPH	1.000	2,7 x 10 ²	KPH	1.000

TÌNH HÌNH PHÁT SINH CHẤT THẢI TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ DUYÊN HẢI

Nước thải y tế khoảng 18 m³/ngày, CTR y tế thông thường khoảng 150 kg/ngày, lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 7,15 kg/ngày. Trung tâm y tế thị xã đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế với hiệu quả xử lý đạt quy chuẩn cho phép. Tại các trạm tế tại các xã, phường đều chưa đầu tư được hệ thống xử lý nước thải y tế, chủ yếu nước thải y tế được xử lý cùng với nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại, sau đó được khử trùng và thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận. Đối với chất thải rắn y tế, tại khu vực được lưu trữ và có hợp đồng thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển để xử lý đúng quy định.

Chất thải y tế

Chất thải nguy hại

Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng

Trong năm 2020-2021, địa bàn thị xã hỗ trợ 358 bể chứa , tuy nhiên nhiều địa phương chưa thực hiện đúng chức năng lưu chứa của bể, còn tình trạng lẫn lộn rác thải sinh hoạt, các loại rác khác ngoài vỏ bao bì BVTV gây khó khăn cho công tác thu gom và xử lý

TÌNH HÌNH PHÁT SINH CHẤT THẢI TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ DUYÊN HẢI

CTR sinh hoạt:

Phát sinh: 43,42 tấn/ngày (ước tính theo dân số 2021 48.240 người)

Thành phần: rất đa dạng bao gồm giấy, hàng dệt, thực phẩm, da, cao su, nhựa, sành, thủy tinh, kim loại... đa số thành phần rác thải sinh hoạt tại vùng nông thôn có khả năng phân hủy sinh học.

Xử lý: lượng chất thải rắn sinh hoạt được phân loại sơ bộ bởi các hộ gia đình (tận dụng một số vật phẩm có thể tái chế, bán phế liệu) và được thu gom bởi xe chuyên dụng tại các chợ và các tuyến đường trung tâm các xã, phường

TÌNH HÌNH PHÁT SINH CHẤT THẢI TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ DUYÊN HẢI

- **Chất thải rắn công nghiệp thông thường:** thị xã Duyên Hải có hơn 2.000 cơ sở kinh doanh, dịch vụ, 05 chợ lớn nhỏ cùng với ngành nuôi trồng, chế biến thủy sản và công nghiệp năng lượng. Trong đó, ngành nuôi trồng, chế biến thủy hải sản và công nghiệp năng lượng (nhiệt điện) phát sinh lượng chất thải rắn công nghiệp chủ yếu tại địa phương (*số liệu thu thập năm 2020*)
- **Sản phẩm thải bỏ là các chất thải nguy hại:** hiện tại trên các tuyến thu gom tại một số khu vực loại rác thải này được thải bỏ cùng với rác thải sinh hoạt gây ảnh hưởng đến chất lượng thu gom rác thải trên địa bàn; Chưa có địa điểm thu gom và biện pháp quản lý phù hợp cho cộng đồng dân cư, dẫn đến tình trạng người dân xử lý loại rác thải nguy hại này bằng hình thức chôn lấp, đốt, hoặc vứt bỏ dọc các tuyến đường.

Tác động của chất thải rắn sinh hoạt

Công tác quản lý, xử lý CTR ở nước ta thời gian qua đã có nhận được nhiều sự quan tâm của các cấp, các ngành; phương thức quản lý tổng hợp, các giải pháp giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải đã bước đầu được quan tâm, chú trọng. Tuy nhiên, lượng CTR phải chôn lấp tại một số khu vực khá lớn, chất thải chôn lấp ở các bãi chôn lấp tạm thời, lộ thiên đã và đang là nguồn gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, hoạt động sản xuất của con người.

Trên thực tế, tại nhiều cơ sở xử lý CTR bằng hình thức chôn lấp, quá trình kiểm soát ô nhiễm chưa thực sự đem lại hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường, hiện vẫn đang là vấn đề gây bức xúc trong xã hội, đặc biệt là vấn đề nước rỉ rác. Nước rỉ rác tại hầu hết các bãi chôn lấp đều phát thải trực tiếp vào môi trường, ngấm và tác động trực tiếp vào môi trường nước, khuếch tán mầm bệnh gây tác động xấu đến môi trường và sức khỏe con người. Nước rỉ rác có chứa hàm lượng một số chất ô nhiễm cao như chất hữu cơ, kim loại nặng... Vấn đề ô nhiễm amoni ở tầng nông (nước dưới đất) cũng là hậu quả của nước rỉ rác và của việc xả bừa bãi rác thải lộ thiên không có biện pháp xử lý nghiêm ngặt.



Chuyên đề 2. Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng và vệ sinh môi trường tại các đô thị, khu dân cư, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**CẢNH QUAN MÔI TRƯỜNG
TẠI MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG**

Càng Long



Cầu Ngang



tuyến đường "xanh - sạch - đẹp" ấp Ranh, xã Hiệp Mỹ Đông, huyện Cầu Ngang do người dân đồng thuận chung tay xây dựng và chăm sóc.

Công trình "Thắp sáng đường quê" ấp Bông Ven nhị trường chiều dài hơn 2,7km, kinh phí thực hiện hơn 78 triệu đồng (Cầu Ngang)

Thành phố Trà Vinh



Thị xã duyên hải



THỊ XÃ DUYÊN HẢI TỔNG KẾT 5 NĂM THỰC HIỆN
Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU
(đính kèm báo cáo số 256/BC-UBND ngày 15/7/2021)

BÁO CÁO

Tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 và Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 05/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh

Thực hiện Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 28/2/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Kế hoạch số 01/KH-UBND; Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 05/4/2019 và Kế hoạch số 52/KH-UBND trên địa bàn tỉnh; Công văn số 979/STNMT-QLMT ngày 05/5/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc hướng dẫn tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Kế hoạch số 01/KH-UBND; Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 05/4/2019 và Kế hoạch số 52/KH-UBND trên địa bàn tỉnh, Qua tổ chức thực hiện, Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc hành động cải thiện cảnh quan, môi trường; chỉnh trang đô thị; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; lập lại trật tự, an toàn giao thông và tổ chức Đợt hoạt động cao điểm chào mừng 25 năm tái lập tỉnh Trà Vinh (5/1992 - 5/2017), Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh; Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 05/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự chỉ đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trong đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh triển khai thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 05/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự chỉ đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trong đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh. Thị xã Duyên Hải đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn, đồng thời chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, phường triển khai thực hiện và xây dựng kế hoạch, cụ thể hoá các hoạt động thực hiện tại địa phương đảm bảo tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Các cấp ủy đảng, các hội đoàn thể (Thị Đoàn, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh,...) thường xuyên tổ chức triển khai các văn bản chỉ đạo, kế hoạch thực hiện của cấp trên, phân công đảng viên, đoàn viên, hội viên phụ trách, thường xuyên phổ biến, truyền truyền vận động đoàn viên, hội viên hưởng

ứng thực hiện các phong trào do chính quyền địa phương phát động, qua đó tiếp tục tạo hiệu ứng, thu hút ngày càng nhiều người dân tham gia.

Ban Thường vụ Thị ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện thông qua các chuyến công tác, qua họp báo và nhiều kênh thông tin khác. Qua đó, nắm chặt, bám sát tình hình, kịp thời chỉ đạo uốn nắn thực hiện. Các Tổ công tác của thị xã và cấp xã (do các xã, phường thành lập) thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện trên địa bàn mình quản lý. Định kỳ vào các ngày Thứ bảy, Chủ nhật hàng tuần, các thành viên của 02 Tổ kiểm tra thực hiện kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU; Chỉ thị số 48-CT/TU; Kế hoạch số 01/KH-UBND và Kế hoạch số 52/KH-UBND của các xã, phường, báo cáo về Thị ủy, UBND thị xã để kịp thời uốn nắn, chỉ đạo tổ chức thực hiện tuần tiếp theo.

Từ khi triển khai thực hiện đến nay, thị xã Duyên Hải đã ban hành 09 Kế hoạch¹, 34 Công văn², 09 Quyết định³, 05 Thông báo⁴ nhằm triển khai và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 01/KH-UBND và Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh; cấp xã ban hành 36 Kế hoạch, 23 Quyết định, 32 Thông báo, 25 Công văn (*Chi tiết tại Phụ lục 1*).

2. Việc tổ chức triển khai thực hiện:

2.1. Công tác tuyên truyền, vận động:

*** Cấp thị xã:**

- Lĩnh vực môi trường:

Tổ chức 03 cuộc mít tinh cấp thị xã thu hút 980 người tham dự, diễu hành bằng 50 xe đạp, sau mít tinh ra quân dọn vệ sinh thu gom 05 tấn rác thải, trồng 200 cây xanh, phát 500 phần quà (gồm 01 túi sinh thái và 02 cuốn tập) cho đại biểu tham dự, phát 100 túi sinh thái cho người dân đi chợ; dọn vệ sinh 2 km bờ

¹ Kế hoạch: số 06/KH-UBND ngày 24/01/2017; số 18/KH-UBND ngày 14/3/2017; số 28/KH-UBND ngày 19/5/2017; số 38/KH-UBND ngày 31/7/2017; số 21/KH-UBND ngày 08/02/2018; số 07/KH-UBND ngày 14/02/2019; số 66/KH-UBND ngày 09/10/2019; số 40/KH-UBND ngày 13/5/2020; số 57/KH-UBND ngày 28/4/2021.

² Công văn: số 142/UBND-KT ngày 07/3/2017; số 164/UBND ngày 14/3/2017; số 169-CV/TXU ngày 14/3/2017; số 216/UBND-NC ngày 29/3/2017; số 286/UBND-NC ngày 18/4/2017; số 359/UBND-KT ngày 12/5/2017; số 378/UBND-NC ngày 17/5/2017; số 467/UBND-KT ngày 20/6/2017; số 226-CV/TXU ngày 16/08/2017; số 235-CV/TXU ngày 20/9/2017; số 320/UBND-KT ngày 12/4/2018; số 545/UBND ngày 28/5/2018; số 08/UBND-KT ngày 03/01/2019; số 321/UBND-KT ngày 14/3/2019; số 743/UBND-KT ngày 31/5/2019; số 1044/UBND-KT ngày 25/7/2019; số 1604/UBND-KT ngày 08/11/2019; số 1012/UBND-KT ngày 12/6/2020; Số 1992/UBND-KT ngày 02/10/2020; số 2107/UBND-KT ngày 20/10/2020; số 2262/UBND-KT ngày 26/10/2020; số 106/PTNMT ngày 04/11/2020; số 05/BCĐ ngày 16/11/2020; số 157/UBND-KT ngày 21/01/2021; số 205/UBND-KT ngày 29/01/2021; số 237/UBND-VX ngày 04/02/2021; số 265/UBND-KT ngày 09/02/2021; số 807/UBND-KT ngày 28/02/2021; số 365/UBND-KT ngày 02/3/2021; số 596/UBND-KT ngày 24/3/2021; số 799/UBND-KT ngày 28/4/2021; số 838/UBND-KT ngày 29/4/2021; số 985/UBND-KT ngày 15/5/2021.

³ Quyết định: số 461/QĐ-UBND ngày 14/3/2017; số 462/QĐ-UBND ngày 14/3/2017; số 469/QĐ-UBND ngày 17/3/2017; số 114/QĐ-UBND ngày 19/01/2018; số 2168/QĐ-UBND ngày 11/10/2018; số 1093/QĐ-UBND ngày 09/8/2019; số 1094/QĐ-UBND ngày 09/8/2019; số 1768/QĐ-UBND ngày 29/9/2020; số 2097/QĐ-UBND ngày 13/11/2020.

⁴ Thông báo: số 01/TB-BCĐ ngày 14/3/2017; số 01/TB-BCĐ ngày 09/10/2019; số 04/BCĐ ngày 12/02/2020; Số 190/UBND-KT ngày 10/7/2020; số 02/TB-BCĐ ngày 21/7/2020.

biển.

Thực hiện đưa tin bài tuyên truyền nội dung Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 01/KH-UBND và Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh và các hoạt động ngày Chủ nhật Xanh - Sạch - Đẹp được 14 tin bài, phát thanh tuyên truyền 364 buổi, phát 800 tờ rơi tuyên truyền, 150 cuốn tài liệu tuyên truyền. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền trực tiếp được 86 cuộc, có 20.227 lượt người dự.

Lắp đặt 15 bảng lớn, treo 262 băng rôn, 17 pano trên các trục đường chính mang các khẩu hiệu bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý rác thải, nước thải, giảm sử dụng túi nilong, sử dụng hợp lý tài nguyên nước.

Tổ chức 07 Hội nghị tập huấn pháp luật về bảo vệ môi trường với 238 người tham dự.

Cấp 207 giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường cho các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, trên địa bàn.

Các trường trên toàn thị xã đã soạn giảng 850 bài giảng điện tử có nội dung tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường; xây dựng 75 chương trình tổ chức “Ngày hội vệ sinh nước sạch” và tập câu hỏi liên quan đến công tác bảo vệ môi trường.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động như: các cuộc thi, đố vui, vẽ tranh,... về chủ đề giáo dục bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, thu hút hơn 16.950 lượt học sinh, 1.800 lượt giáo viên tham gia.

Các trường vận động san lấp mặt bằng được hơn 300 m³ đất, 1.500 chậu và 670 cây kiểng các loại. Tổ chức trồng 306 bồn hoa trong sân trường với hơn 500 cây hoa mỗi năm. Trồng 24 thảm cỏ xanh, các lớp học được trang trí đẹp so với trước khi thực hiện. Trang trí 1.246 chậu hoa tươi trên cửa sổ các lớp học.

- Lĩnh vực vệ sinh ATTP:

Tổng số cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm là 138 cơ sở, số cơ sở được cấp 130 cơ sở chiếm tỷ lệ 94,2%; số cơ sở sản xuất thực phẩm do ngành y tế quản lý là 16 cơ sở, số được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh ATTP 10 cơ sở, chiếm tỷ lệ 62,5%; số bếp ăn tập thể là 13 bếp, số được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh ATTP và cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm là 12 bếp chiếm tỷ lệ 92%.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và phổ biến kiến thức về vệ sinh ATTP (nhất là Luật An toàn thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan), tập trung cao điểm trong Tháng hành động vì chất lượng vệ sinh ATTP, các dịp lễ, tết, mùa hè, mùa cưới, các sự kiện lớn về chính trị, văn hóa, xã hội hàng năm của đất nước, của địa phương. Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, Đài truyền thanh thị xã xây dựng và thực hiện các chương trình, chuyên mục về vệ sinh ATTP; thông qua đó, hướng dẫn, định hướng thay đổi hành vi và các biện pháp bảo đảm vệ sinh ATTP trong các đối tượng sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trực tiếp làm công tác vệ sinh ATTP tại các đơn vị được chú trọng. Hàng năm, nhiều lượt cán bộ được tham dự các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ do tỉnh, các viện Trung ương tổ chức nhằm cập nhật các văn bản chỉ đạo và bồi dưỡng kiến thức mới góp phần nâng cao năng lực công tác, thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Từ năm 2016 đến nay, toàn thị xã Duyên Hải tổ chức 05 lớp tập huấn cho gần 150 lượt cán bộ, phát 502 tờ rơi, lắp 01 bảng tuyên truyền về công tác vệ sinh ATTP.

- Lĩnh vực chỉnh trang đô thị; trật tự, an toàn giao thông

Công an thị xã phối hợp với các ngành chức năng thực hiện công tác lập lại vỉa hè, xử lý hành vi lấn chiếm lòng, lề đường và xây dựng tuyến đường 2/9: “*Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn giao thông*” 22 cuộc, có 200 lượt đồng chí tham gia. Tổ chức tuyên truyền, vận động 177 hộ dân kinh doanh viết cam kết không lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè. Đồng thời, treo 83 băng rôn, 13 cờ phướn tuyên truyền luật giao thông đường bộ trên các tuyến đường, những nơi đông người, đông dân cư, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông, ý thức xây dựng đô thị văn minh trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Tổ chức tuyên truyền tập trung về pháp luật, phòng ngừa tai nạn giao thông “*Văn hóa giao thông với bình yên sông nước*” tại các Tổ tự quản, các Câu lạc bộ tự quản về an ninh, trật tự tại cơ sở 50 cuộc, có 240 lượt tổ viên và 125 lượt thành viên tham dự. Qua tuyên truyền cấp phát 150 cuốn cẩm nang phòng chống tai nạn giao thông.

*** Cấp xã:**

Tổ chức 02 cuộc mít tinh cấp xã hưởng ứng ngày Môi trường thế giới thu hút 315 người tham dự, sau lễ mít tinh ra quân dọn vệ sinh thu gom 01 tấn rác thải, phát quang 1 km đường giao thông.

Tổ chức 17 lớp tập huấn tuyên truyền về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm với 503 người tham dự. Thực hiện tuyên truyền vận động trực tiếp các hộ dân tham gia dọn dẹp vệ sinh không xả rác, không vi phạm trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm được 44.097 lượt hộ. Lòng ghép tuyên truyền trong các hoạt động sinh hoạt chi tổ hội được 1.804 cuộc với 37.848 lượt người tham dự.

Phát thanh tuyên truyền 552 buổi, treo 79 băng rôn, phát 6.000 tờ rơi, vận động người dân ký 4.016 bản cam kết bảo vệ môi trường, 1.065 bản cam kết thực hiện ATVSTP; Cấp 27 giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản cho các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ có quy mô hộ gia đình, cá nhân.

Tiếp tục vận động người dân xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, trồng hàng rào cây xanh tạo mỹ quan. Đến nay trên địa bàn các xã có 8.852/9.365 hộ có nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh (94,5%), 918 hộ trồng hàng rào cây xanh.

2.2. Kết quả thanh tra, kiểm tra lĩnh vực môi trường; chỉnh trang đô thị; vệ sinh ATTP; trật tự an toàn giao thông:

- Lĩnh vực môi trường:

Kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường được 30 cuộc với 165 lượt người tham dự, kiểm tra 100 cơ sở, phát hiện lập biên bản nhắc nhở 15 cơ sở thực hiện chưa đúng các quy định pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Phát hiện 01 trường hợp không sử dụng thiết bị, phương tiện chuyên dụng trong quá trình vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa làm rò rỉ, phát tán ra môi trường, xử phạt hành chính với số tiền 10 triệu đồng.

- Lĩnh vực chỉnh trang đô thị:

Tổ chức phối hợp kiểm tra 1.072 cuộc trên lĩnh vực trật tự xây dựng, chỉnh trang đô thị với khoảng 760 người tham gia; qua đó lập biên bản cam kết 504 trường hợp, nhắc nhở tại chỗ 242 trường hợp buôn bán lấn chiếm lòng đường, vỉa hè; kiểm tra lập biên bản 290 hộ xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ không phép, buộc ngưng thi công, thực hiện thủ tục xin phép theo quy định; việc xử phạt hành chính thuộc thẩm quyền cấp xã, phường.

- Lĩnh vực vệ sinh ATTP:

Trong 5 năm qua Phòng Y tế thị xã đã tham mưu UBND thị xã quyết định thành lập 15 đoàn kiểm tra liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm, tiến hành kiểm tra các đợt tháng hành động vì an toàn thực phẩm, Tết Nguyên đán, Tết Trung thu hàng năm. Ngoài ra, còn tiến hành một số cuộc kiểm tra đột xuất theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND thị xã. Chỉ đạo các xã, phường tiến hành thành lập 105 đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra các cơ sở trên địa bàn xã, phường.

Kết quả có 1.379 cơ sở được kiểm tra. Trong đó 983 cơ sở đảm bảo yêu cầu chiếm tỷ lệ 71,3%; 396 cơ sở chưa đạt yêu cầu chiếm tỷ lệ 28,7%. Nội dung vi phạm chủ yếu là: sản phẩm đã hết hạn sử dụng, sản phẩm sử dụng phụ gia cấm, không rõ nguồn gốc. Hình thức xử lý vi phạm cụ thể: Nhắc nhở 391 cơ sở, chiếm tỷ lệ 98,7%; phạt tiền 05 cơ sở, chiếm tỷ lệ 1,3% với tổng số tiền phạt là 20,5 triệu đồng.

- Lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông:

Tổ chức tuần tra, kiểm soát đảm bảo trật tự, an toàn giao thông 4.576 cuộc, có 19.465 lượt cán bộ, chiến sỹ tham gia; kiểm tra phát hiện phạt hành chính 5.228 trường hợp vi phạm với tổng số tiền là 11.458,14 triệu đồng, tước Giấy phép lái xe có thời hạn 993 trường hợp.

Lực lượng Cảnh sát trật tự tổ chức tuần tra, kiểm soát đảm bảo trật tự đô thị 184 cuộc, có 1.046 lượt cán bộ, chiến sỹ tham gia, phát hiện, nhắc nhở 497 phương tiện đậu, đỗ không đúng nơi quy định và 190 lượt điểm, hộ kinh doanh, buôn bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ lấn, chiếm lòng, lề đường. Qua đó tuyên truyền, nhắc nhở người dân chấp hành tốt Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 01/KH-UBND và Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh.

2.3. Thực hiện ngày chủ nhật Xanh - Sạch - Đẹp:

Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức 1.500 cuộc ra quân thực hiện ngày Chủ nhật Xanh - Sạch - Đẹp với 81.294 lượt lực lượng tham gia. Trong đó: có 21.822 lực lượng quần chúng nhân dân (26,84%). Kết quả thực hiện như sau:

- Khoi thông 28,3 km cống rãnh, đường ngập nước.
- Thu gom và xử lý 834,7 tấn rác.
- Dọn cỏ, phát quang các bụi rậm trên các tuyến đường: 2.798 km.
- Trồng và chăm sóc 48.337 cây xanh trên các tuyến đường, Trung tâm hành chính các xã, phường và cơ quan đơn vị.

2.4. Công tác xây dựng mô hình, tuyến đường Xanh - Sạch - Đẹp và các hoạt động khác có liên quan:

2.4.1. Công tác xây dựng mô hình:

Thành lập 08 Câu lạc bộ⁵ với 89 thành viên, 30 tổ⁶ với 551 tổ viên, 14 mô hình⁷ của phụ nữ về bảo vệ môi trường, giảm thiểu túi nilong với 652 thành viên, tổ viên, hộ gia đình tham gia.

Hội Cựu chiến binh chỉ đạo, tổ chức thành lập được 37 Câu lạc bộ môi trường Cựu chiến binh có 1.279 thành viên.

Thị đoàn Duyên Hải thành lập 08 đội hình thanh niên xung kích (01 đội hình cấp thị xã; 07 đội hình cấp xã) gồm 153 thành viên, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ xung kích tình nguyện để bảo vệ môi trường,... Xây dựng 04 mô hình⁸ bảo vệ môi trường Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp tại các xã, phường.

2.4.2. Tuyến đường Xanh - Sạch - Đẹp:

*** Cấp thị xã:**

Cùng với các hoạt động cao điểm ngày Chủ nhật Xanh - Sạch - Đẹp các ngành thị xã còn thường xuyên tổ chức các hoạt động thực hiện tuyến đường Xanh - Sạch - Đẹp, cấp thị xã đã đăng ký 02 tuyến đường (tuyến đường 03/2, tuyến đường 19/5), các ban, ngành thị xã đăng ký 04 tuyến. Các hoạt động như phát quang, thu gom rác thải, chăm sóc, cắt tỉa cây xanh, bồn hoa; sơn sửa dải phân cách; tuần tra, nhắc nhở tuân thủ quy định trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông được thực hiện thường xuyên. Năm 2020, Ban Chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU và Kế hoạch số 01/KH-UBND đã thực hiện kiểm tra, chấm điểm, kết quả 06 tuyến đường Xanh - Sạch - Đẹp thị xã đã đăng ký với tổng chiều dài 8,1 km đều đạt theo bộ tiêu chí đánh giá (*Danh sách các tuyến tại Phụ lục 2*).

⁵ Câu lạc bộ: 06 CLB tuyên truyền viên "Chống rác thải nhựa" và 01 CLB "Tuyên truyền viên chống rác thải nhựa ven biển", 01 CLB "Rèn luyện sức khỏe bảo vệ môi trường" với 89 thành viên.

⁶ Tổ: 15 tổ phụ nữ "Hạn chế sử dụng túi nilong" với 252 tổ viên; 02 Tổ phụ nữ "Thu gom rác thải nhựa trên biển" 48 tổ viên; 3 tổ phụ nữ "Biến rác thải nhựa thành tiền" có 70 tổ viên; 7 tổ phụ nữ "Nói không với sản phẩm nhựa dùng 1 lần" 140 tổ viên; 3 tổ phụ nữ trồng cây xanh ven đường có 41 tổ viên.

⁷ Mô hình: 4 mô hình Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp có 125 hộ dân tham gia; 10 mô hình phụ nữ với tuyến đường hoa.

⁸ Mô hình "Hãy làm sạch biển" cùng nhau bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; mô hình thành lập "Đội hình Thanh niên xung kích bảo vệ môi trường sống"; mô hình "Vườn Ươm hoa thanh niên" thực hiện ươm giống các loại hoa và xây dựng các Tuyến đường Hoa; mô hình "Biển bãi rác thành vườn Hoa".

*** Cấp xã:**

Các xã, phường trên địa bàn thị xã đã đăng ký thực hiện 09 tuyến đường Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp với tổng chiều dài gần 17,4 km; kết quả kiểm tra, chấm điểm năm 2020 có 09/09 tuyến đường đạt tiêu chí tuyến đường Xanh - Sạch - Đẹp. Tuy nhiên, do hầu hết các tuyến đường đều có những tồn tại, hạn chế với các mức độ khác nhau nên Chủ tịch UBND thị xã quyết định yêu cầu các xã, phường tiếp tục củng cố, nâng chất các tiêu chí và xem xét, đánh giá ở kỳ tiếp theo (*Danh sách các tuyến tại Phụ lục 2*).

2.4.3. Các hoạt động khác có liên quan:

Định kỳ vào Thứ sáu hàng tuần, các ngành, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị, trường học trên địa bàn thị xã đồng loạt thực hiện các hoạt động dọn dẹp vệ sinh cơ quan, đơn vị, thu gom rác thải và phát quang bụi rậm khu vực xung quanh khuôn viên. Hoạt động đã thu hút 34.729 lượt lực lượng tham gia là cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị, các xã, phường, ấp, khóm, giáo viên, học sinh của các trường học; thu gom và xử lý 304,8 tấn rác, phát quang 09 km bụi rậm, trồng 5.548 cây xanh.

2.5. Kết quả đánh giá, chấm điểm và xếp loại:

Thực hiện Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 và Quyết định số 2868/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí đánh giá, chấm điểm và xếp loại kết quả thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU và Kế hoạch số 01/KH-UBND, UBND thị xã đã tổ chức 4 đợt thẩm tra kết quả tự đánh giá, xếp loại của các xã, phường trên địa bàn thị xã. Qua thẩm tra, hầu hết các xã, phường trên địa bàn xếp loại tốt (riêng 06 tháng đầu năm 2019 có xã Trường Long Hoà xếp loại khá). Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm Kết quả thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU và Kế hoạch số 01/KH-UBND cấp thị xã đạt loại khá.

(Kết quả thẩm tra các xã, phường năm 2020 tại Phụ lục 03).

2.6. Kết quả khắc phục vệ sinh môi trường theo kết quả kiểm tra của Tổ Công tác liên ngành Quyết định số 1851/QĐ-UBND trên địa bàn quản lý:

Từ khi triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 01/KH-UBND và Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh cho đến nay, Tổ công tác liên ngành Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện trên địa bàn, chỉ ra có 08 điểm ô nhiễm do rác thải sinh hoạt. Ủy ban nhân dân thị xã đã chỉ đạo các ngành chuyên môn phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, phường khắc phục. Tính đến thời điểm hiện tại đã khắc phục triệt để 7/8 điểm⁽⁹⁾ ô nhiễm đảm bảo vệ sinh môi trường. Hiện nay, UBND thị xã tiếp tục chỉ đạo đơn vị khai thác chợ phường 2 khắc phục 01 điểm tồn đọng rác thải khu vực phía sau chợ.

⁹ Các điểm được khắc phục triệt để: Bờ kè chợ Duyên Hải; phía sau chợ gà thuộc chợ Duyên Hải; đường nhựa dẫn vào chợ Phường 2; phía sau chợ Dân Thành; cạnh vựa khô Hồng Trung (chợ Dân Thành); Khu vực tuyến đường nhựa đi qua nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3; đường đi qua khu Bến tổng hợp Định An; khu vực cấp quốc lộ 53 (gần quán bò tơ 1992); khu vực cấp đường nhựa vào chợ và sau chợ phường 2.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt đạt được:

Được sự quan tâm chỉ đạo của Thường trực Thị ủy, Hội đồng nhân dân thị xã, UBND tỉnh cùng các Sở, ban, ngành tỉnh trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Kế hoạch số 01/KH-UBND; Chỉ thị số 48-CT/TU và Kế hoạch số 52/KH-UBND; sau 05 năm thực hiện, thị xã Duyên Hải đã đạt được một số kết quả khả quan như sau:

- Duy trì việc tổ chức thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 01/KH-UBND và Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh thường xuyên, định kỳ hàng tuần đến từng ấp, khóm với sự tham gia của các ban, ngành, địa phương, các hội, đoàn thể và người dân trên địa bàn.

- Công tác thu gom, xử lý rác thải được thực hiện thường xuyên, đảm bảo vệ sinh, góp phần cải thiện môi trường sống của người dân; đồng thời, các điểm tập trung rác thải gây ô nhiễm môi trường đã được thu gom, xử lý.

- Cảnh quan môi trường được cải thiện, có nhiều tuyến đường Xanh - Sạch - Đẹp được đăng ký và duy trì thường xuyên với các hoạt động vệ sinh môi trường, trồng cây, hoa tạo mỹ quan đô thị. Các tuyến đường còn lại cũng được quan tâm dọn dẹp vệ sinh, thu gom rác thải, phát quang bụi rậm tạo sự thông thoáng, mỹ quan.

- Trật tự đô thị, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm được kiểm tra, kiểm soát thường xuyên, có hiệu quả.

- Các hoạt động an toàn thực phẩm được triển khai đúng theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm tỉnh Trà Vinh. Đa số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống đã nâng cao ý thức trong việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực ATTP. Không xảy ra ngộ độc thực phẩm cấp tính trên địa bàn.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Kế hoạch số 01/KH-UBND; Chỉ thị số 48-CT/TU và Kế hoạch số 52/KH-UBND cũng được duy trì thường xuyên hàng tuần; báo cáo kịp thời cho Thị ủy, UBND thị xã và về tỉnh nắm, chỉ đạo.

2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân:

2.1. Khó khăn, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được việc thực hiện vẫn còn một số hạn chế như sau:

- Ý thức của một bộ phận người dân chậm chuyển biến, chưa chủ động, tích cực tham gia các hoạt động cải thiện cảnh quan môi trường của địa phương. Tỷ lệ người dân tham gia vào các hoạt động vệ sinh môi trường tại địa phương chưa cao (trung bình 5 năm là 26,84%). Lực lượng tham gia thường xuyên đa số là cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, đoàn thể, UBND các xã, phường.

- Khu vực xung quanh các công trình, dự án trọng điểm đã và đang hoạt động có thời điểm còn tình trạng bụi cát bay, đường giao thông thường hư hỏng ảnh hưởng đến sản xuất, sinh hoạt của cộng đồng dân cư; một vài nơi vẫn còn tình trạng tái ô nhiễm, tập trung rác thải sau xử lý; rác thải còn phát sinh dọc các tuyến giao thông (chủ yếu là từ các phương tiện vận tải), khu công cộng còn diễn ra; nước thải tại một số khu tập trung dân cư chưa được thu gom xử lý; tình trạng kinh doanh, mua bán che chắn lấn chiếm vỉa hè, vi phạm trật tự giao thông, trật tự đô thị còn xảy ra.

- Công tác thu gom rác thải sinh hoạt còn nhiều hạn chế, chưa đảm bảo thu gom triệt để rác thải; một số tuyến đường tại khu vực nông thôn, hẻm tại khu vực đô thị chưa tổ chức được hoạt động thu gom, xử lý rác thải tập trung; dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt chậm tiến độ ảnh hưởng đến chất lượng xử lý rác của thị xã; hạ tầng khu xử lý rác thải tập trung chưa được đầu tư xây dựng đúng quy chuẩn, không có hồ chứa được gia cố chống thấm và hệ thống thu gom, xử lý nước rỉ rác.

- Hoạt động nuôi tôm nước lợ thâm canh mật độ cao đang phát triển nhanh chóng, một số hộ nuôi tự phát khó kiểm soát được việc thiết kế ao từ đó ảnh hưởng đến chất lượng xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường; các quy định liên quan đến chế tài xử lý vi phạm hành chính trong việc xả thải còn nhiều vướng mắc.

- Trong quá trình thực hiện công tác kiểm tra An toàn vệ sinh thực phẩm có lấy mẫu kiểm tra bằng phương pháp kiểm tra (test) nhanh, khi nghi ngờ thực phẩm không đảm bảo an toàn phải tiến hành lấy mẫu gửi tuyến trên làm xét nghiệm, không chủ động được thời gian và khó khăn trong bảo quản thực phẩm trong khi chờ kết quả xét nghiệm chính thức.

- Một số nội dung duy trì thực hiện thường xuyên, lâu dài vào ngày nghỉ (Thứ bảy, Chủ nhật), ảnh hưởng nhiều đến sinh hoạt, sản xuất của cán bộ, công chức, người lao động ở xã, phường.

2.2. Nguyên nhân:

- Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện đôi lúc, đôi nơi chưa thật sự tập trung, quyết liệt; quan tâm chưa đồng đều các nội dung thực hiện; công tác kiểm tra, giám sát chưa chặt chẽ; còn nể nang, tình cảm trong đánh giá. Công tác tuyên truyền, vận động người dân trực tiếp tham gia thực hiện các hoạt động dù thường xuyên thực hiện nhưng chưa đạt hiệu quả cao.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm, chưa tham gia tích cực vào các hoạt động chung và tại cơ quan, đơn vị mình; cán bộ, công chức, viên chức thị xã ít, đời sống còn khó khăn nên có phân tâm trong thực hiện, nhất là vào các ngày nghỉ; nhân lực làm công tác quản lý về trật tự đô thị, môi trường, an toàn thực phẩm tuyến xã, phường chủ yếu kiêm nhiệm, chuyên môn, nghiệp vụ không đồng đều nên hiệu quả quản lý chưa cao.

- Một bộ phận dân cư ý thức chậm chuyển biến, còn tồn tại các hành vi lạc hậu, suy nghĩ đơn giản trong nếp sống, sinh hoạt, sản xuất, coi công tác bảo

vệ môi trường là của Nhà nước, của xã hội, chưa tích cực góp sức cho các hoạt động cải thiện cảnh quan môi trường của địa phương.

- Nhà máy xử lý chất thải rắn tại xã Long Hữu thi công rất chậm so với tiến độ khi đăng ký thực hiện dự án đầu tư. Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm không đủ để thực hiện các hạng mục công trình xử lý ô nhiễm tại bãi rác.

- Chất lượng cung cấp dịch vụ của Doanh nghiệp trúng thầu thu gom rác còn hạn chế, đã nhắc nhở, trừ khối lượng thanh toán hàng tháng nhưng chậm được khắc phục do năng lực doanh nghiệp có hạn nhưng khó xử lý, thay thế do thời gian thu gom ngắn (trong năm), khó tìm được đơn vị có năng lực có nhu cầu tham gia và việc thu gom rác phải thực hiện thường xuyên, không thể tạm dừng nhiều ngày.

- Thị xã là đô thị mới, đang phát triển với tốc độ nhanh, nhưng hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, chưa đảm bảo chất lượng, một số nội dung hạn chế vượt quá tầm xử lý của địa phương (hạ tầng giao thông, đô thị, bãi rác, các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực nhạy cảm với môi trường tồn tại trong đô thị,...).

3. Đề xuất, kiến nghị:

- Chỉ đạo các cấp, các ngành có thẩm quyền khác (ngoài thẩm quyền của Chủ tịch UBND các cấp) được quy định từ Điều 48 đến Điều 51 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ. Cụ thể: Công an nhân dân các cấp (Điều 49); Thanh tra chuyên ngành (Điều 50) và các lực lượng khác (Điều 51: Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Kiểm lâm, Thanh tra nông nghiệp và phát triển nông thôn, Thanh tra chuyên ngành thủy sản, Quản lý thị trường, Thuế, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa) quan tâm hơn nữa, thực hiện thẩm quyền kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật giao.

- Chỉ đạo Công an tỉnh chỉ đạo Công an các cấp trong ngành chia sẻ, phối hợp UBND cấp huyện, cấp xã xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình (theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP).

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo đơn vị chuyên môn trực thuộc tăng cường kiểm soát, yêu cầu đăng ký cơ sở nuôi tôm thâm canh nước lợ mật độ cao trước khi thi công công trình nuôi.

- UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính bố trí kinh phí xử lý ô nhiễm môi trường bãi rác thị xã Duyên Hải theo Đề án tăng cường năng lực và hạ tầng kỹ thuật thực hiện quản lý chất thải rắn.

- Thống nhất chủ trương bổ sung kinh phí sự nghiệp môi trường cho thị xã thực hiện nâng cấp công tác thu gom rác thải theo hướng chuyên sâu, phát triển mạng lưới thu gom đến tất cả các xã, phường, ngõ hẻm, có lực lượng chuyên nghiệp thực hiện nhiệm vụ vệ sinh đô thị, cảnh quan môi trường trên địa bàn thị xã.

- Chỉ đạo Sở Kế hoạch Đầu tư quan tâm xây dựng hoặc xã hội hoá thực hiện hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung trên địa bàn tại trung tâm phường 1, phường 2, các khu dân cư tập trung trên địa bàn thị xã.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia vào các hoạt động cải thiện cảnh quan môi trường tại nơi sinh sống. Tăng cường thông tin về pháp luật liên quan và các văn bản, nội dung, kết quả thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 01/KH-UBND và Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh rộng rãi đến quần chúng nhân dân.

- Chỉ đạo các xã, phường phải đổi mới phương thức tổ chức các hoạt động cải thiện cảnh quan môi trường tại địa phương. Có kế hoạch thực hiện khoa học, hợp lý lôi kéo cho người dân tại khu vực, lấy người dân tại chỗ làm lực lượng chính thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, tạo cảnh quan đô thị.

- Nâng cao chất lượng công tác thu gom rác thải theo hướng chuyên sâu, phát triển mạng lưới thu gom đến tất cả các xã, phường, có lực lượng chuyên nghiệp thực hiện nhiệm vụ vệ sinh đô thị trên địa bàn thị xã.

- Đẩy mạnh vận động và từng bước yêu cầu hộ dân cam kết thực hiện việc phân loại rác tại nguồn, tự bố trí thùng đựng rác, xây dựng hố chứa rác gia đình, đặt, bỏ rác đúng nơi quy định, đúng giờ thu gom để việc thu gom có chất lượng, hiệu quả, tránh để “nơi đặt rác thành nơi phát tán rác”.

- Đề xuất Thị uỷ chỉ đạo các hội đoàn thể tích cực hơn nữa, có kế hoạch cụ thể phối hợp với chính quyền địa phương, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động chung, vận động có hiệu quả đoàn viên, hội viên tham gia các hoạt động do chính quyền, hội, đoàn thể tổ chức, xem đây là nội dung quan trọng trong đánh giá, xét gia đình văn hóa, cơ quan văn minh.

Trên đây là báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 và Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 05/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh trên địa bàn thị xã Duyên Hải, Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh nắm, tổng hợp./.

Nơi nhận:

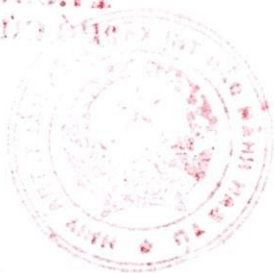
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở TNMT (b/c);
- Các sở: GTVT, XD, YT, NN&PTNT (đ/b);
- TT. TXU, TT. HĐND thị xã (b/c);
- CT, các PCT. UBND thị xã;
- Phòng TNMT thị xã;
- Lưu: VT, NC (Thức).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Văn Lành

ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ՎՊԱԿԱՆԱԿԱՆ ԿՈՄԻՏԵ



ՀԱՅԱՍՏԱՆԻ ՀԱՆՐԱՊԵՏՈՒԹՅԱՆ
ՎՊԱԿԱՆԱԿԱՆ ԿՈՄԻՏԵ



Phụ lục 1

**Kết quả ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện
Chỉ thị số 15-CT/TU; Chỉ thị số 48-CT/TU**

STT	Nội dung	Thời điểm ban hành văn bản					Tổng
		2017	2018	2019	2020	2021	
I	Thị xã Duyên Hải						
	Kế hoạch	04	01	02	01	01	09
	Công văn	10	02	05	07	10	34
	Quyết định	03	02	02	02	0	09
	Thông báo	01	0	01	03	0	05
II	Cấp xã						
1	Phường 1						
	Kế hoạch	02	01	05	01	01	10
	Công văn	0	0	0	0	0	0
	Quyết định	0	0	04	0	0	04
	Thông báo	01	0	02	0	0	03
2	Phường 2						
	Kế hoạch						
	Công văn						
	Quyết định						
	Thông báo						
3	Xã Long Toàn						
	Kế hoạch	01	01	01	01	01	05
	Công văn	03	01	01	01	01	07
	Quyết định	02	01	01	01	01	06
	Thông báo	01	01	01	01	01	05
4	Xã Long Hữu						
	Kế hoạch	02	01	01	01	01	06
	Công văn	01	01	02	01	01	06
	Quyết định	01	01	01	01	01	05
	Thông báo	01	01	01	02	0	05
5	Xã Dân Thành						
	Kế hoạch	02	01	01	01	01	06
	Công văn	02	0	01	0	0	03
	Quyết định	01	01	03	02	01	08
	Thông báo	01	0	01	05	0	07
6	Xã Hiệp Thạnh						
	Kế hoạch	01	01	01	01	01	05
	Công văn	03	01	01	01	01	07
	Quyết định	02	01	01	01	01	06
	Thông báo	01	01	01	01	01	05
7	Xã Trường Long Hòa						
	Kế hoạch	0	01	01	01	01	04
	Công văn	0	0	0	0	0	0
	Quyết định	01	0	01	01	0	03
	Thông báo	0	0	0	0	0	0

Phụ lục 2

Danh sách tuyến đường Xanh - Sạch - Đẹp trên địa bàn thị xã Duyên Hải



STT	Tên tuyến đường	Địa điểm	Chiều dài (km)	Kết quả		Đơn vị thực hiện
				Đạt	Chưa đạt	
I	Cấp thị xã					
1	Đường 3/2	Ngã 4 chợ - Ngã tư giao với đường Lý Tự Trọng, phường 1	0,7	95,9		UBND thị xã Duyên Hải
2	Đường 19/5	Ngã 4 chợ - Vòng xoay ngã 5, phường 1	1,3	82,4		UBND thị xã Duyên Hải
3	Quốc lộ 53	Ngã 3 Hương lộ 81 - Bến phà Kênh Tắt	02	81,4		UBND xã Long Toàn - BCHQS thị xã
4	Đường Hồ Đức Thắng	Ngã 4 - trụ sở khóm Long Thạnh	02	88,4		Liên đoàn Lao động thị xã
6	Quốc lộ 53B	Trường mầm non Sơn Ca - Tiệm sửa xe Lê Thanh Việt	1,1	89,9		Thị Đoàn Duyên Hải
7	Đường 2/9	Hạt Kiểm lâm - Quốc lộ 53	01	81,6		Công an thị xã
II	Cấp xã					
1	Quốc lộ 53B	UBND xã Dân Thành - cầu Côn Trúng, xã Dân Thành	03	87,9		UBND xã Dân Thành
2	Đường áp Mù U	Ngã tư lộ nhựa - Luồng tàu, xã Dân Thành	02	88,8		Chi bộ áp Mù U, xã Dân Thành
3	Đường áp Giồng Trôm	Cổng chào áp Giồng Trôm - mặt đập, xã Long Toàn	1,5	89,9		UBND xã Long Toàn
4	Đường khóm Phước Bình	Đầu lộ Bà Mươi - Quốc lộ 53, phường 2	1,8	87,6		UBND phường 2
5	Tỉnh lộ 914	Cổng chào - đế quốc phòng, xã Hiệp Thạnh	03	85,9		UBND xã Hiệp Thạnh
6	Tỉnh lộ 914	Giáp Phường 2 - UBND xã Long	02	88,0		UBND xã Long Hữu



		Hữu, xã Long Hữu					
7	Đường Bến Giá nhỏ	Cầu Bến Giá nhỏ - hết đường nhựa, xã Long Hữu	01	86,1		Chi bộ ấp 10, xã Long Hữu	
8	Đường Ngõ Quyền	Đầu QL53 - Giáp Phạm Văn Nuôi, phường 1	1,1	80,1		UBND phường 1	
9	Tuyến Nhà Mát - Khoán Tiều	Nhà Mát - Khoán Tiều, xã Trường Long Hòa	02	81,5		Xã đoàn - BND ấp Nhà Mát, Khoán Tiều, xã Trường Long Hòa	





Phụ lục 3

Kết quả thẩm tra Kết quả thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU và Kế hoạch số 01/KH-UBND trong năm 2020 của các xã, phường trên địa bàn thị xã Duyên Hải

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn	Phường 1	Phường 2	Xã Dân Thành	Xã Trường Long Hoà	Xã Long Toàn	Xã Long Hữu	Xã Hiệp Thành
I	Chỉ đạo, điều hành.	20 điểm	12,8	9,9	16,1	10,7	10,2	13,8	12,3
1	Có thành lập BCD/Tổ công tác (hoặc tương đương) thực hiện Chỉ thị 15 và Kế hoạch 01 trên địa bàn quản lý; có xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 15 và Kế hoạch 01 (<i>Kế hoạch thực hiện hàng tháng, quý, năm</i>)	4	4	4	4	4	4	4	4
2	Báo cáo thực hiện Chỉ thị 15 và Kế hoạch 01 (định kỳ hàng tuần, tháng, quý, BC đột xuất theo yêu cầu)	16	8,8	5,9	12,1	6,7	6,2	9,8	8,3
II	Công tác tuyên truyền, vận động	20 điểm	18,0	17,7	17,4	17,6	17,7	17,7	17,3
1	Vận động người dân tham gia và thực hiện đúng quy định về cải thiện cảnh quan, môi trường; chỉnh trang đô thị; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; lập lại trật tự, an toàn giao thông.	10	8,8	8,7	8,4	8,6	8,7	8,7	8,3
2	Cán bộ công chức, viên chức và người lao động, người dân biết và tham gia thực hiện Chỉ thị 15-CT/TU và Kế hoạch 01/KH-UBND.	10	9,2	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0
III	Tổ chức thực hiện	60 điểm	52,1	52,7	52,4	52,8	54,4	54,8	54,4
1	Hành động cải thiện cảnh quan môi trường	25 điểm	22,9	22,2	21,7	22,1	22,5	22,4	22,1
1.1	Triển khai thực hiện, duy trì các hoạt động Ngày chủ nhật "Xanh - Sạch - Đẹp".	5	5,0	4,8	4,8	5,0	5,0	5,0	5,0



1.2	Kết quả thực hiện, duy trì các hoạt động BVMT tại các tuyến đường, khu vực chợ, khu dân cư, kênh mương,.. (Rác thải được thu gom đảm bảo không rơi vãi; Lòng đường via hè luôn sạch sẽ; không có rác thải trên lòng đường, via hè, không có hiện tượng vứt rác bừa bãi, không đúng nơi quy định; Sông, ao, hồ, kênh, mương không ú đọng rác thải sinh hoạt, xác gia súc, gia cầm; chai lọ thuốc bảo vệ thực vật; khu dân cư và khu vực chợ không ô nhiễm do rác thải, nước thải,...)	10	8,4	7,9	7,4	7,8	8,2	7,9	7,8
1.3	Có xây dựng tuyến đường Xanh – Sạch – Đẹp được công nhận và duy trì tốt; các hộ gia đình đã thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh.	5	4,5	4,5	4,5	4,3	4,3	4,5	4,3
1.4	Tỉ lệ hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh ($\geq 70\%$).	5	5	5	5	5	5	5	5
2	Tình hình lập lại trật tự an toàn giao thông	10 điểm	7,4	7,9	8,2	7,8	8,9	9,4	9,4
2.1	Không có tình trạng lấn chiếm lòng đường, vỉa hè trong mua, bán, sản xuất, kinh doanh.	5	2,4	3,4	3,5	3,1	4,1	4,5	4,5
2.2	Đường thông thoáng, không bị che khuất tầm nhìn do tán cây làm ảnh hưởng ATGT.	5	5,0	4,6	4,7	4,8	4,9	4,9	4,9
3	Công tác quản lý trật tự xây dựng và chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn	10 điểm	7,3	8,3	8,2	8,4	8,6	8,6	8,6
3.1	Không có biển hiệu quảng cáo, pa nô tuyên truyền sai quy định, treo che khuất tầm nhìn, nghiêng ngã, đổ gãy, không có hoạt động phát tờ rơi, dán quảng cáo lên cột đèn, điện); không có tình trạng xây cất công trình trái phép; lấn chiếm đất công trên địa bàn quản lý.	10	7,3	8,3	8,2	8,4	8,6	8,6	8,6
4	Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	15 điểm	14,4	14,2	14,3	14,4	14,4	14,4	14,4
4.1	Điều kiện cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải đảm bảo an toàn thực phẩm.	5	4,4	4,4	4,4	4,4	4,4	4,4	4,4
4.2	Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP.	5	5,0	4,8	4,9	5,0	5,0	5,0	5,0
4.3	Không để xảy ra ngộ độc thực phẩm.	5	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0
	TỔNG CỘNG:	100 điểm	82,9	80,2	86,0	81,0	82,3	86,2	84,1



Chuyên đề 3. Một số quy định về bảo vệ môi trường (Luật Bảo vệ môi trường năm 2020); các quy định xử phạt VPHC lĩnh vực môi trường (Nghị định 155/2016/NĐ-CP, Nghị định 55/2021/NĐ-CP).

Hỏi đáp một số quy định về bảo vệ môi trường

Câu 1: Theo Điều 6 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, các hành vi nào bị nghiêm cấm?

Trả lời:

Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Vận chuyển, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường.
3. Phát tán, thải ra môi trường chất độc hại, vi rút độc hại có khả năng lây nhiễm cho con người, động vật, vi sinh vật chưa được kiểm định, xác súc vật chết do dịch bệnh và tác nhân độc hại khác đối với sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.
4. Gây tiếng ồn, độ rung vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường; xả thải khói, bụi, khí có mùi độc hại vào không khí.
5. Thực hiện dự án đầu tư hoặc xả thải khi chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
6. Nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức.
7. Nhập khẩu trái phép phương tiện, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng để phá dỡ, tái chế.
8. Không thực hiện công trình, biện pháp, hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.
9. Che giấu, hành vi gây ô nhiễm môi trường, cản trở, làm sai lệch, thông tin, gian dối trong hoạt động bảo vệ môi trường dẫn đến hậu quả xấu đối với môi trường.
10. Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gây nguy hại cho sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên; sản xuất, sử dụng nguyên liệu, vật liệu xây dựng chứa yếu tố độc hại vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
11. Sản xuất, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất và tiêu thụ chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của điều ước quốc tế về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
12. Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên.
13. Phá hoại, xâm chiếm công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường.
14. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Câu 2. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 quy định như thế nào về bảo vệ môi trường đối với gia đình, cá nhân?

Trả lời:

Theo điều 60, luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. Bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình, cá nhân quy định cụ thể như sau :

1. Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm sau đây:

a) Giảm thiểu, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đã được phân loại đến đúng nơi quy định;

b) Giảm thiểu, xử lý và xả nước thải sinh hoạt đúng nơi quy định; không để vật nuôi gây mất vệ sinh trong khu dân cư;

c) Không phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh;

d) Chi trả kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật;

đ) Tham gia hoạt động bảo vệ môi trường tại cộng đồng dân cư;

e) Có công trình vệ sinh theo quy định. Trường hợp chưa có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khi xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở riêng lẻ tại đô thị, khu dân cư tập trung, phải xây lắp công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Chuồng trại chăn nuôi quy mô hộ gia đình phải bảo đảm vệ sinh, không gây ô nhiễm tiếng ồn, phát tán mùi khó chịu; chất thải từ hoạt động chăn nuôi phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng đối với công trình xây dựng, nhà ở của hộ gia đình, cá nhân ở đô thị theo quy định của pháp luật về xây dựng có trách nhiệm thẩm định, cấp giấy phép xây dựng trong đó bao gồm công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Câu 3: Theo Điều 61, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp gồm những gì?

Trả lời

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón trong sản xuất nông nghiệp phải thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y có độc tính cao, bền vững, lan truyền, tích tụ trong môi trường, tác động xấu đến môi trường và sức khỏe con người phải được đăng ký, kiểm kê, kiểm soát, quản lý thông tin, đánh giá, quản lý rủi ro và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Phân bón, sản phẩm xử lý môi trường chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã hết hạn sử dụng phải được quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan. Bao bì đựng phân bón, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sau khi sử dụng, bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải. Bùn nạo vét từ kênh, mương, công trình thủy lợi phải được thu gom, tái sử dụng, tái chế và quản lý theo quy định của pháp luật. Xác vật nuôi bị chết dịch bệnh phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.

4. Phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa, sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, sản xuất phân bón, sản xuất năng lượng hoặc phải được xử lý theo quy định; không đốt ngoài trời phụ phẩm từ cây trồng gây ô nhiễm môi trường.

5. Việc sử dụng chất thải từ hoạt động chăn nuôi để làm phân bón hữu cơ, nước tưới cây hoặc mục đích khác phải thực hiện theo quy định của Chính phủ.

6. Nhà nước có chính sách khuyến khích đổi mới mô hình, phương pháp sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, tiết kiệm nước, hạn chế sử dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học và sản phẩm xử lý môi trường trong nông nghiệp; phát triển mô hình nông nghiệp thân thiện môi trường.

7. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức quản lý bùn nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường./.

Câu 4: Mức phạt đối với vi phạm quy định về xử lý chất thải chăn nuôi như thế nào?

Trả lời

Chính phủ đã ban hành Nghị định 14/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi, trong đó quy định cụ thể mức phạt đối với vi phạm quy định về xử lý chất thải chăn nuôi.

Theo đó, hành vi vi phạm quy định về xử lý chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bị phạt tiền với các mức phạt như sau: Từ 1-3 triệu đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, từ 3-5 triệu đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô vừa, từ 5-7 triệu đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.

Hành vi vi phạm quy định về xử lý nước thải chăn nuôi không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về nước thải chăn nuôi cho cây trồng bị phạt tiền từ 3-5 triệu đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, từ 5-7 triệu đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô vừa, từ 7-10 triệu đồng đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.

Hành vi vi phạm quy định về xử lý khí thải từ hoạt động chăn nuôi không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải chăn nuôi sẽ bị phạt tiền với mức phạt như nêu trên.

Mức phạt tiền quy định nêu trên là mức phạt tiền được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính do cá nhân thực hiện. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm, mức phạt tiền gấp 2 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Nghị định cũng quy định mức phạt tiền đối với vi phạm quy định về xử lý chất thải chăn nuôi nông hộ. Cụ thể, phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không có biện pháp xử lý phân, nước thải chăn nuôi bảo đảm vệ sinh môi trường và gây ảnh hưởng đến người xung quanh.

Ngoài ra, người vi phạm còn bị buộc phải thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả khắc phục trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm nêu trên.

Câu 5: Bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải được Pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời

Điều 65, luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. Qui định bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải

1. Phương tiện giao thông vận tải phải được cơ quan đăng kiểm kiểm định, xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, chất thải phải được che chắn, không để rơi vãi gây ô nhiễm môi trường khi tham gia giao thông.

3. Tổ chức, cá nhân vận chuyển hàng nguy hiểm phải bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện, năng lực về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Việc vận chuyển hàng hóa, vật liệu có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường phải được thực hiện bằng thiết bị, phương tiện chuyên dụng, bảo đảm không rò rỉ, phát tán ra môi trường.

5. Việc xây dựng công trình giao thông phải có giải pháp hạn chế, giảm thiểu các tác động đến địa hình, cảnh quan, địa chất, di sản thiên nhiên.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển; có giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí đối với đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I.

7. Chính phủ ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển phương tiện giao thông công cộng, phương tiện giao thông sử dụng năng lượng tái tạo, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, phát thải thấp hoặc không phát thải; lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường.

8. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông vận tải theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy định khác của pháp luật có liên quan; hướng dẫn và tổ chức thực hiện hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa theo quy định.

Câu 6: Bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng được Pháp luật quy định như thế nào?

Trả lời

Điều 64 luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. Qui định bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng

1. Quy hoạch xây dựng phải bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Việc quy hoạch khu đô thị, khu dân cư tập trung phải hướng tới phát triển khu đô thị sinh thái, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, bảo đảm tỷ lệ diện tích cây xanh, mặt nước, cảnh quan theo quy định của pháp luật.

3. Nhà nước khuyến khích việc tái sử dụng chất thải từ hoạt động xây dựng, sử dụng vật liệu không nung và vật liệu thân thiện môi trường trong xây dựng.

4. Khi cấp giấy phép xây dựng, thẩm định thiết kế xây dựng của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng phải bảo đảm các công trình, hạng

mục công trình, thiết bị xử lý chất thải, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Việc thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ công trình xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau đây:

a) Có biện pháp không phát tán bụi, nhiệt, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

b) Việc vận chuyển vật liệu, chất thải trong hoạt động xây dựng phải được thực hiện bằng phương tiện phù hợp, bảo đảm không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường;

c) Nước thải phải được thu gom, xử lý, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

d) Chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định; đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng được tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng theo quy định;

đ) Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào móng cọc được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp;

e) Bùn thải phát sinh từ bể phốt, hầm cầu phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường;

g) Chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

6. Chất thải từ hoạt động cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại đô thị phải được thu gom và chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp thực hiện theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 5 Điều này.

7. Chất thải từ hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn chưa có hệ thống thu gom, xử lý chất thải phải được tái sử dụng hoặc đổ thải theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và nguồn nước mặt khác làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.

9. Bộ trưởng Bộ Xây dựng có trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thiết kế hệ thống thu gom chất thải rắn phù hợp với việc phân loại chất thải rắn tại nguồn của khu trung tâm thương mại kết hợp với căn hộ; chung cư kết hợp với văn phòng; tổ hợp công trình cao tầng có chức năng hỗn hợp.

Câu 7: Quy định về xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường như thế nào?

Trả lời

Điều 33 Nghị định 38/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung bởi Khoản 16 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP quy định Trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường như sau:

1. Có phương tiện vận chuyển, thiết bị lưu chứa, khu vực lưu giữ tạm thời. Chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Quy trình quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tương ứng quy định. (Tại điểm A và

điểm B Phụ lục III Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

2. Bảo đảm các hệ thống, phương tiện, thiết bị xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. (kể cả sơ chế, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng từ chất thải rắn công nghiệp thông thường, sau đây gọi chung là xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường). Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường quy định tại điểm C. (Phụ lục III Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

3. Trường hợp có phát sinh chất thải nguy hại từ cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. Phải thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định.

4. Lập các báo cáo xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường sau:

a. Báo cáo quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường định kỳ hàng năm. (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12). Theo Mẫu số 05 Phụ lục V Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Và gửi về cơ quan xác nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương. Và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. Trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo;

b. Báo cáo đột xuất về tình hình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c. Báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. Chất thải rắn trong sinh hoạt được tích hợp với nhau theo Mẫu số 05. Phụ lục V Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong trường hợp chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. Đồng thời là chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

d. Báo cáo, hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. Chất thải nguy hại được tích hợp với nhau theo mẫu quy định về quản lý chất thải nguy hại. Trong trường hợp chủ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường đồng thời là chủ xử lý chất thải nguy hại;

đ. Sử dụng biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường mỗi lần nhận chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Phụ lục IV Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; lập nhật ký vận hành các hệ thống, phương tiện, thiết bị cho việc xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. Số theo dõi số lượng các sản phẩm tái chế hoặc thu hồi từ chất thải rắn công nghiệp thông thường (nếu có);

e. Lưu trữ với thời hạn 05 năm các hợp đồng, nhật ký, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến hoạt động xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường để cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

5. Áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 trong thời hạn 24 tháng kể từ khi đi vào hoạt động đối với cơ sở mới; 24 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực đối với cơ sở đang hoạt động.

6. Thực hiện kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và phục hồi môi trường, đồng thời thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường đối với cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường trong thời gian không qua 06 tháng kể từ khi chấm dứt hoạt động.

Câu 8: Nước thải công nghiệp là gì? Đối tượng nào phải nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp? Mức phí phải nộp? Chế tài xử phạt khi không thực hiện nộp phí?

Trả lời:

1. Nước thải công nghiệp là nước thải phát sinh từ quá trình công nghệ của cơ sở sản xuất, dịch vụ công nghiệp, từ nhà máy xử lý nước thải tập trung có đầu nối nước thải của cơ sở công nghiệp

2. Các đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp
Nghị định số 53/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 05/05/2020 về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định cụ thể đối tượng phải nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp bao gồm:

- a) Cơ sở sản xuất, chế biến: nông sản, lâm sản, thủy sản, thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát, thuốc lá.
- b) Cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại theo quy định pháp luật về chăn nuôi; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.
- c) Cơ sở nuôi trồng thủy sản thuộc diện phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định.
- d) Cơ sở sản xuất thủ công nghiệp trong các làng nghề.
- đ) Cơ sở: Thuộc da, tái chế da, dệt, nhuộm, may mặc.
- e) Cơ sở: Khai thác, chế biến khoáng sản.
- g) Cơ sở sản xuất: Giấy, bột giấy, nhựa, cao su; linh kiện, thiết bị điện, điện tử;
- h) Cơ sở: Cơ khí, luyện kim, gia công kim loại, chế tạo máy và phụ tùng.
- i) Cơ sở: Sơ chế phế liệu, phá dỡ tàu cũ, vệ sinh súc rửa tàu, xử lý chất thải.
- k) Cơ sở: Hóa chất cơ bản, phân bón, dược phẩm, thuốc bảo vệ thực vật, vật liệu xây dựng, văn phòng phẩm, đồ gia dụng.
- l) Nhà máy cấp nước sạch, nhà máy điện.
- m) Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu đô thị.
- n) Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, cảng cá, khu công nghệ cao và các khu khác.
- o) Cơ sở sản xuất, chế biến khác có phát sinh nước thải từ hoạt động sản xuất, chế biến.

3. Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp

Theo Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020, phí BVMT đối với nước thải được xác định gồm phí cố định và phí biến đổi:

Năm 2020 mức phí cố định là 1.500.000 đồng/năm. Từ năm 2021 trở đi mức phí cố định áp dụng như sau: Cơ sở có lượng thải dưới 5m³/ngày mức phí là 2.500.000 đồng/năm; lượng thải từ 5-10 m³/ngày mức phí là 3.000.000 đồng/năm; lượng thải từ 10-20m³/ngày mức phí là 4.000.000 đồng/năm.

Phí biến đổi được tính theo tổng lượng nước thải ra, hàm lượng thông số ô nhiễm và mức phí đối với từng loại chất ô nhiễm (mức phí COD là 2.000 đồng/kg, TSS là 2.400 đồng/kg, Thủy ngân 20.000.000 đồng/kg; Chì 1.000.000 đồng/kg; Arsenic 2.000.000 đồng/kg; Cadmium 2.000.000 đồng/kg).

Ghi chú: Đối với Cơ sở sản xuất, chế biến có tổng lượng nước thải trung bình năm dưới 20m³/ngày chỉ áp dụng mức phí cố định, không áp dụng phí biến đổi.

4. Chế tài xử phạt khi không thực hiện nộp phí

Theo quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí và hoá đơn, hành vi vi phạm về nộp phí thì bị xử phạt như sau:

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi không thực hiện đúng thông báo nộp tiền phí, lệ phí của cơ quan có thẩm quyền.
2. Phạt tiền từ 1 đến 3 lần số tiền phí, lệ phí gian lận, trốn nộp đối với hành vi gian lận, trốn nộp phí, lệ phí theo quy định. Mức phạt tối đa là 50.000.000 đồng.
3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc người vi phạm nộp đủ số phí, lệ phí gian lận, trốn nộp”.

Câu 9: Những quy định mới về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020 như thế nào?

Trả lời

CTRSH phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại thành chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; CTRSH khác. Hộ gia đình, cá nhân ở đô thị phải chứa, đựng CTRSH sau khi thực hiện phân loại vào các bao bì để chuyển giao như sau: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTRSH; Chất thải thực phẩm và CTRSH khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển; chất thải thực phẩm có thể được sử dụng làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi...

Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế, chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân đã được phân loại theo quy định không phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý. Đối với các loại chất thải rắn khác thì phải được chứa đựng trong bao bì do UBND quy định để được thu gom, tái chế. Như vậy, những tổ chức, cá nhân không thực hiện phân loại sẽ phải trả chi phí cao hơn so với những tổ chức, cá nhân thực hiện việc phân loại theo quy định.

Đơn vị thu gom, vận chuyển CTRSH có quyền từ chối thu gom, vận chuyển CTRSH của hộ gia đình, cá nhân không phân loại và không sử dụng bao bì đúng quy định. Đồng thời, có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã, cộng đồng dân cư, đại diện khu dân cư trong việc xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom CTRSH và công bố rộng rãi. Phải sử dụng thiết bị, phương tiện được thiết kế phù hợp đối với từng loại CTRSH đã được phân loại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về BVMT.

Câu 10: Việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt được quy định như thế nào?

Trả lời

Điều 75 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 quy định việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt như sau:

1. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại theo nguyên tắc như sau:
 - a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;

- b) Chất thải thực phẩm;
- c) Chất thải rắn sinh hoạt khác.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân loại cụ thể chất thải rắn sinh hoạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân.

3. Hộ gia đình, cá nhân ở đô thị phải chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này vào các bao bì để chuyển giao như sau:

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

b) Chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; chất thải thực phẩm có thể được sử dụng làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

4. Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện quản lý như sau:

a) Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi;

b) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng; tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

c) Chất thải thực phẩm không thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

d) Chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

5. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị – xã hội các cấp vận động cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị – xã hội ở cơ sở có trách nhiệm giám sát việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân.

Câu 11: Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 quy định như thế nào về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Trả lời

Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã dành 6 Điều (từ Điều 75 đến Điều 80) quy định rõ ràng về việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải sinh hoạt (CTRSH); địa điểm tập kết, trạm trung chuyển; thu gom, vận chuyển; chi phí

thu gom vận chuyển; xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường bãi chôn lấp CTRSH.

- Theo quy định tại Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, CTRSH phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại thành chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; CTRSH khác.

- Hộ gia đình, cá nhân ở đô thị phải chứa, đựng CTRSH sau khi thực hiện phân loại vào các bao bì để chuyển giao như sau:

+ Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTRSH;

+ Chất thải thực phẩm và CTRSH khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTRSH; chất thải thực phẩm có thể được sử dụng làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

- Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh CTRSH sau khi thực hiện phân loại theo quy định được Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi; Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng; tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTRSH; ...

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế, chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân đã được phân loại theo quy định không phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý. Đối với các loại chất thải rắn khác thì phải được chứa đựng trong bao bì do UBND quy định để được thu gom, tái chế. Như vậy, những tổ chức, cá nhân không thực hiện phân loại sẽ phải trả chi phí cao hơn so với những tổ chức, cá nhân thực hiện việc phân loại theo quy định.

- Điểm tập kết, trạm trung chuyển CTRSH phải có các khu vực khác nhau để lưu giữ các loại CTRSH đã được phân loại, bảo đảm không để lẫn các loại chất thải đã được phân loại với nhau; Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bố trí mặt bằng điểm tập kết, trạm trung chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển CTRSH thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật./.

Câu 12: Theo Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 thì chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH được quy định như thế nào?

Trả lời

Theo Điều 79 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14

1. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH từ hộ gia đình, cá nhân được tính toán theo căn cứ sau:

a. Phù hợp với vụ thu gom, vận chuyển và xử lý ;

b. Dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại;

c. Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế, chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân đã được phân loại riêng thì không phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không phân loại hoặc phân loại không đúng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 75 của Luật này thì phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý như đối với chất thải rắn sinh hoạt khác.

3. Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; cụm công nghiệp có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng có khối lượng nhỏ theo quy định của Chính phủ được lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều 75 của Luật này hoặc quản lý theo quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng có khối lượng lớn theo quy định của Chính phủ phải chuyên giao cho cơ sở tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải có chức năng phù hợp hoặc chuyên giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển có phương tiện, thiết bị phù hợp để vận chuyển đến cơ sở tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải rắn có chức năng phù hợp.

5. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại.

7. Quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 1 Điều 75 của Luật này phải được thực hiện chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Câu 13: Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 quy định về Bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch như thế nào?

Trả lời

Điều 66 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 quy định về Bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch, như sau:

1. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, địa điểm tập luyện, biểu diễn, thi đấu thể dục, thể thao, đơn vị tổ chức lễ hội phải thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật này.

2. Cá nhân đến khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, địa điểm tập luyện, biểu diễn, thi đấu thể dục, thể thao, địa điểm diễn ra lễ hội phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

- a) Tuân thủ quy định, quy chế giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường;
- b) Thải bỏ chất thải đúng nơi quy định; hạn chế phát sinh chất thải nhựa;
- c) Giữ gìn vệ sinh công cộng;
- d) Không xâm hại cảnh quan môi trường và các loài sinh vật.

3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện quy định về bảo vệ môi trường đối với cơ sở lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch; phát triển cơ sở lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch thân thiện môi trường;

b) Tổ chức thực hiện quy định về khuyến khích giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch./.

Câu hỏi 14: Quy định về vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường như thế nào?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, được sửa đổi bởi Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP thì Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà không có kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường sẽ bị xử lý như sau:

1. Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận thì bị Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không có bản kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận theo quy định.

2. Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận và do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bị Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không có bản kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận theo quy định.

3. Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận bị Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có bản kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận theo quy định.

4. Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bộ, cơ quan ngang bộ phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này bị Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định.

5. Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc triển khai xây dựng dự án sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có quy mô, công suất tương đương với trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt bị Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với hành vi không có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo quy định.

Ngoài hình thức phạt tiền còn bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt bổ sung Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng và buộc phải lập Kế hoạch Bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt nếu địa điểm thực hiện dự án, cơ sở phù hợp quy hoạch được phê duyệt theo quy định.

Câu hỏi 15: Pháp luật xử lý như thế nào đối với hành vi chôn lấp, đốt rác thải không đúng quy định, gây ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống xung quanh và sức khỏe người dân?

Trả lời

Khoản 9, điều 20, Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 được sửa đổi bởi khoản 18, điều 1 Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021, hành vi chuyển giao, cho, bán chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại cho đơn vị không có chức năng, năng lực xử lý theo quy định; chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường; tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại nhưng không có biện pháp xử lý hoặc không chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại dưới 1.000 kg;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 1.000 kg đến dưới 2.000 kg;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 2.000 kg đến dưới 3.000 kg;

d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 3.000 kg đến dưới 4.000 kg;

đ) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 4.000 kg đến dưới 5.000 kg;

e) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 5.000 kg đến dưới 10.000 kg;

g) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 10.000 kg đến dưới 20.000 kg;

h) Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 20.000 kg đến dưới 30.000 kg;

i) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 30.000 kg đến dưới 40.000 kg;

k) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 40.000 kg đến dưới 60.000 kg;

l) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 60.000 kg đến dưới 80.000 kg;

m) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 80.000 kg đến dưới 100.000 kg;

n) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với trường hợp chuyển giao, cho, bán, tiếp nhận, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn thông thường đặc thù, sản phẩm thải lỏng không nguy hại từ 100.000 kg trở lên, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường.”

Khoản 7, điều 23, Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016, nêu rõ hành vi chôn, lấp, đổ, thải chất thải nguy hại trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường bị xử phạt như sau:

a) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải dưới 100 kg chất thải nguy hại;

b) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải từ 100 kg đến dưới 250 kg chất thải nguy hại;

c) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải từ 250 kg đến dưới 500 kg chất thải nguy hại;

d) Phạt tiền từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải từ 500 kg đến dưới 1.000 kg chất thải nguy hại;

đ) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải từ 1.000 kg đến dưới 1.500 kg chất thải nguy hại;

e) Phạt tiền từ 350.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải từ 1.500 kg đến dưới 2.000 kg chất thải nguy hại;

g) Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 450.000.000 đồng đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải từ 2.000 kg đến dưới 2.500 kg chất thải nguy hại;

h) Phạt tiền từ 450.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với trường hợp chôn, lấp, đổ, thải từ 2.500 kg đến dưới 3.000 kg chất thải nguy hại.

8. Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây, trừ các trường hợp hành vi tội phạm về môi trường:

a) Chuyển giao, cho, mua, bán chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định của pháp luật;

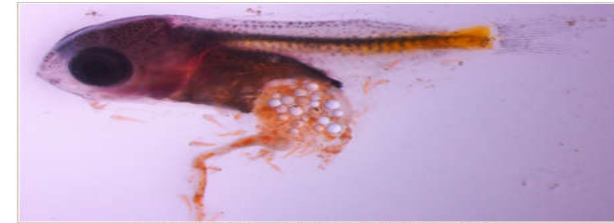
b) Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định của pháp luật dưới 3.000 kg.

Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 bổ sung khoản 9a, đối với các hành vi đốt chất thải nguy hại, chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trái quy định về bảo vệ môi trường, trừ trường hợp hành vi tội phạm về môi trường thì bị xử lý như hành vi chôn lấp, đổ, thải chất thải nguy hại, chất hữu cơ khó phân hủy được quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều này.



90% hạt vi nhựa được tìm thấy trong muối:
 Nghiên cứu phân tích muối ăn ở 21 quốc gia (Châu Á, Bắc Nam Mỹ và Châu Phi)
 Trong số 39 thương hiệu muối được thử nghiệm, 36 đã có microplastics trong đó, theo một phân tích mới của các nhà nghiên cứu ở Hàn Quốc và Greenpeace Đông Á

Sau khi hoàn thành vai trò "chất làm sạch sâu", các hạt nhựa nhỏ này lọt sáng qua hệ thống xử lý nước thải ra sông hồ, ao và đại dương, từ đó nó gây ảnh hưởng lớn đến môi trường cũng như ảnh hưởng đến chuỗi thức ăn.



Một ấu trùng cá trình nữ chứa rất nhiều hạt vi nhựa.

Theo Tổ chức Môi trường Liên hiệp quốc (UNEP), năm 2012, các nước thuộc Liên minh châu Âu đã sử dụng hơn 4.300 tấn hạt vi nhựa. 1 năm sau đó, con số đã lên hơn 299 triệu tấn. Khi hạt vi nhựa hòa vào nguồn nước, chúng sẽ hấp thụ chất độc trong nước và trở nên cực kỳ độc.

Cá, chim và nhiều loài thủy sinh khác nhầm lẫn là thực phẩm và ăn vào. Vì đặc tính không tan và khó phân hủy nên có hàng nghìn phân tử hạt vi nhựa bị tích lại trong cơ thể thực vật, động vật.

Hạt vi nhựa được phát hiện trong một số sản phẩm



Nước uống đóng chai: nghiên cứu đã thử nghiệm **259 chai nước từ 11 thương hiệu** nước đóng chai thu mua tại **19 địa điểm từ 9 quốc gia**, cho thấy có **93% mẫu** có dấu hiệu ô nhiễm nhựa vi thể



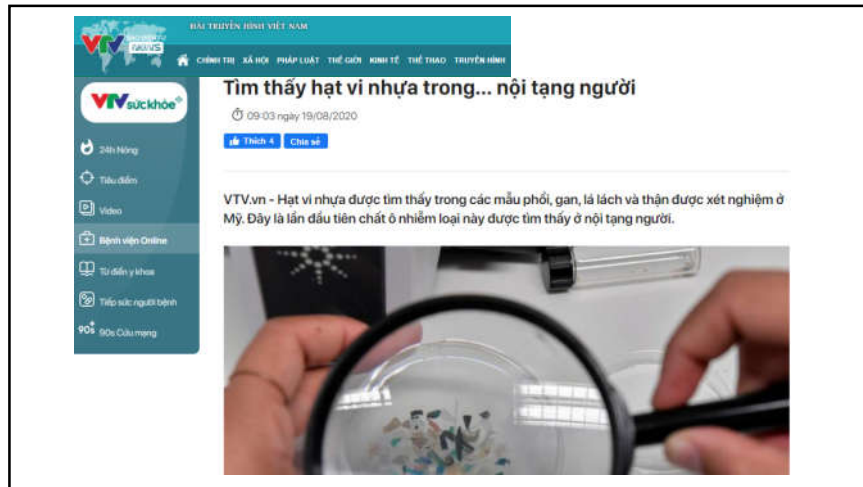
KHOA HỌC THƯỜNG THỨC PHÁT MINH

Biến thể COVID mới | Thời tiết | Nghiên cứu mới

Tìm thấy hạt vi nhựa trong ruột sinh vật ở Nam Cực

24/06/2020 13:26 GMT+7

TTO - Các nhà khoa học đã tìm thấy những mảnh nhựa polystyrene (nhựa PS) trong ruột những sinh vật nhỏ bé sống trong đất ở Nam Cực, gây lo ngại ô nhiễm vì nhựa đã xâm nhập sâu vào chuỗi thức ăn ở nơi xa xôi nhất thế giới.



Quốc gia cấm các sản phẩm có hạt vi nhựa

New York (Mỹ): ngày 11/2/2014 người đứng đầu cơ quan tư pháp New York, ông Eric Schneiderman công bố quy định mới, trong đó cấm toàn bộ các sản phẩm cũng như việc sản xuất, phân phối và bán các sản phẩm có chứa hạt nhựa có kích thước nhỏ hơn 5mm vì lý do các hạt này đã vượt qua hệ thống cống thải và thâm nhập vào nguồn nước ngoài môi trường.

Anh: từ ngày 9/1/2018, việc sản xuất các sản phẩm có chứa các hạt vi nhựa (microbead) sẽ chính thức bị cấm trên toàn nước Anh.

Không chỉ ở Anh, các sản phẩm làm đẹp và sức khỏe chứa hạt vi nhựa cũng đã bị cấm tại Mỹ, Canada và New Zealand. Nhiều nước thành viên Liên minh châu Âu cũng đã thực hiện những chiến dịch hướng đến lệnh cấm tương tự. Hãng mỹ phẩm L'Oreal (Pháp) cũng tuyên bố loại bỏ các hạt nhựa li ti này ở các sản phẩm thương hiệu của mình vào năm 2017.

Thái Lan: ngày 24/12/2019, Bộ Y tế Thái Lan thông báo sẽ cấm nhập khẩu, sản xuất và bán các mặt hàng mỹ phẩm chứa hạt vi nhựa kể từ ngày 1/1/2020.

Một số chất độc từ sản phẩm nhựa

- **phthalates:** hóa chất phthalates trong các sản phẩm nhựa tiêu dùng góp phần gây tử vong sớm.
 - hóa chất **phthalates** có mặt trong rất nhiều **sản phẩm nhựa** trong đời sống hàng ngày như hộp đựng thực phẩm, vỏ chai dầu gội đầu, vỏ hộp mỹ phẩm, chai nước hoa và đồ chơi trẻ em...
 - Phthalates gây rối loạn hormone sinh dục nam, testosterone và là yếu tố dự báo bệnh tim mạch ở người trưởng thành
- BPA:** được tìm thấy trong hầu hết các bình sữa trẻ em, cốc sippy và hộp đựng sữa công thức cho trẻ sơ sinh, cho đến khi các bậc cha mẹ tẩy chay những sản phẩm đó từ hơn một thập kỷ trước. Hóa chất BPA cũng có liên quan đến những bất thường trong hệ thống sinh sản của trẻ sơ sinh nam và các vấn đề vô sinh sau này ở nam giới trưởng thành, cũng như tình trạng béo phì, bệnh tim, ung thư và tử vong sớm do bất kỳ nguyên nhân nào.

Ô nhiễm rác thải nhựa trên biển

- Ô nhiễm do rác thải nhựa trên biển đã bắt đầu được ghi nhận từ những năm 70 của thế kỷ trước, nhưng cho đến nay việc định lượng và xác định nguồn gốc của chúng vẫn chưa đầy đủ.
- Theo Báo cáo của Chương trình Môi trường Liên hợp quốc, mỗi năm thế giới sử dụng khoảng 500 tỷ túi nhựa, 13 triệu thùng dầu để sản xuất nhựa, 1 triệu chai nhựa được mua mỗi phút, 100.000 động vật biển bị chết vì rác thải nhựa mỗi năm. Khối lượng sản phẩm nhựa sản xuất hàng năm đã tăng gấp 20 lần trong 50 năm qua và dự kiến sẽ tăng gấp đôi trong 20 năm tới. Dự báo tới năm 2050, toàn cầu có thể sản xuất tới 1.124 triệu tấn nhựa, nếu không thu gom, tái chế, tái sử dụng lượng sản phẩm nhựa này một cách triệt để sẽ gây ra "ô nhiễm trắng" đối môi môi trường toàn cầu.

Ô nhiễm rác thải nhựa trên biển

Đến nay, rác thải nhựa tại các đại dương, từ vùng biển ven bờ, bãi triều xuống đáy biển sâu, từ vùng cực đến xích đạo đã phổ biến và mức độ tác động nguy hại của chúng không thể bỏ qua. Hầu hết nhựa đều nổi trong nước nên một lượng lớn mảnh vụn nhựa tích tụ trên mặt biển và được sóng hoặc dòng chảy đẩy vào ven bờ. Hậu quả là, nhựa chiếm một tỷ lệ đáng kể (50-80%) tổng lượng rác được tìm thấy trên bờ biển.

Một phần rác thải nhựa có thể bị chìm xuống đáy biển, thậm chí tới độ sâu hàng nghìn mét và tại đây tốc độ phân giải của chúng sẽ đặc biệt chậm vì tối và nhiệt độ thấp.

Hơn 260 loài, bao gồm động vật không xương sống, rùa biển, cá, chim biển và động vật có vú..., đã được phát hiện ăn hoặc vướng vào các mảnh vụn nhựa, dẫn đến suy giảm khả năng tiêu hóa, vận động, sản lượng sinh sản và gây tử vong.

Ô nhiễm rác thải nhựa trên biển

Việt Nam là một trong những quốc gia có lượng rác thải nhựa xả ra biển nhiều nhất trên thế giới Trong số 20 quốc gia được nghiên cứu, khối lượng rác thải nhựa từ Việt Nam ra biển dao động trong khoảng 0,28-0,73 triệu tấn/năm, tương đương 6% tổng lượng rác thải nhựa ra biển và đứng thứ 4 trên 20 quốc gia cao nhất.

Rank	Country	Waste Generation Rate (kg/cap/yr)	% of Waste from Plastics	% Mismanaged Waste	Plastic Waste (MMT/yr)	% Mismanaged Plastic Waste	Marine Debris (MMT/yr)
1	China	110	11	76	8.82	277	1.32-3.55
2	Indonesia	0.52	11	87	3.22	101	0.48-1.29
3	Philippines	0.5	15	83	1.88	5.9	0.28-0.75
4	Vietnam	0.79	13	88	1.83	5.8	0.28-0.73
5	Sri Lanka	51	7	84	1.59	5.0	0.24-0.64
6	Thailand	1.2	12	75	1.03	3.2	0.15-0.41
7	Egypt	1.57	13	69	0.97	3.0	0.15-0.39
8	Malaysia	1.52	13	57	0.94	2.9	0.14-0.37
9	Nigeria	0.79	13	83	0.65	2.7	0.13-0.34
10	Bangladesh	0.43	8	89	0.79	2.5	0.12-0.31
11	South Africa	2.0	12	56	0.63	2.0	0.09-0.25
12	India	0.34	5	87	0.60	1.9	0.09-0.24
13	Algeria	1.2	12	60	0.52	1.6	0.08-0.21
14	Turkey	1.77	12	18	0.49	1.5	0.07-0.19
15	Pakistan	0.79	13	88	0.48	1.5	0.07-0.18
16	Brazil	1.03	16	11	0.47	1.5	0.07-0.18
17	Burma	0.44	17	89	0.46	1.4	0.07-0.18
18*	Morocco	1.46	5	68	0.31	1.0	0.05-0.12
19	North Korea	0.6	9	90	0.30	1.0	0.05-0.12
20	United States	2.88	13	2	0.28	0.9	0.04-0.11

Table 1 (Jirassakuldech, J. R. et al. "Plastic Waste Input from Land into the Ocean." Science, vol. 347, no. 6232, 11 Feb. 2015, pp. 769-771, doi:10.1126/science.1255052). Waste estimates for 2010 for the top 20 countries ranked by mass of mismanaged plastic waste (in units of millions of metric tons per year). Interpretation of characters in the table: Mismanaged waste is the sum of inadequately managed waste plus 20, otherwise, total mismanaged plastic waste is calculated for populations within 50 km of the coast in the 192 countries considered, past per-capita GNP, metric metric tons, if considered collectively, coastal European Union countries (27 total) would rank eighth on the list.



Rác thải nhựa ảnh hưởng như thế nào đến sinh vật biển?

Vì sao sinh vật ăn rác thải nhựa?



Chim biển chọn thức ăn qua **khứu giác**. Nhựa có thể bị nhầm với thực phẩm vì tảo và vi khuẩn sinh sống trên nó phát ra mùi nồng nặc của lưu huỳnh. Các loài chim biển liên tưởng mùi này với thức ăn, vì vậy chúng rơi vào "bẫy khứu giác" khiến chúng ăn nhựa thay vì con mồi.



đã bị thu hút bởi vi nhựa có **mùi** tương tự như loài nhuyễn thể chúng ăn.

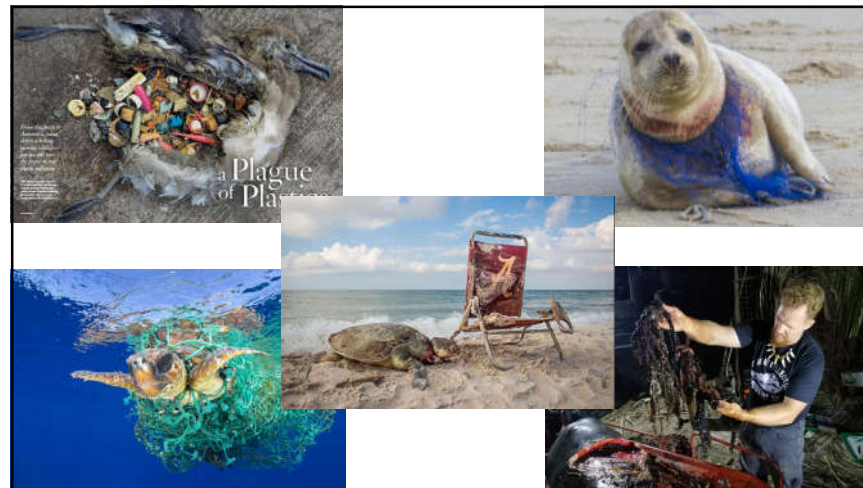


Rùa biển, trong khi đó, chọn con mồi của chúng bằng **thị giác** - và sữa, túi nhựa và bóng bay đều trông thích thức ăn.

Tại sao rùa biển ăn rác thải nhựa?



Nghiên cứu cho thấy 52% rùa trên thế giới đã ăn chất thải nhựa. Lý do rất đơn giản: một túi nhựa trôi nổi có thể trông giống như rất nhiều sứa, tảo hoặc các loài khác chiếm một phần lớn trong khẩu phần ăn của rùa biển.



SÁNG KIẾN CHỐNG RÁC THẢI NHỰA TRÊN THẾ GIỚI

Trong cuộc chiến chống rác thải nhựa trên toàn cầu, nhiều quốc gia đã đưa vào áp dụng hiệu quả những sáng kiến vô cùng thú vị.

Malaysia

Thích nguyên viên thu gom rác thải nhựa trôi dạt trên bãi biển, tài xế thành phố tung ô tô, đồ gia dụng.



Hà Lan

Đặt một thiết bị hình chữ nhật ngầm dưới các con kênh, tạo ra một làn chắn bằng bong nước ngăn rác thải nhựa ra đại dương.



Thái Lan

Sử dụng các kênh truyền thông trực tuyến như Line, Facebook, Youtube để truyền tải thông điệp môi trường rộng rãi hơn.



Na Uy

Khách hàng phải "đặt cọc" tiền khi mua đồ uống đóng chai nhựa và được hoàn lại tiền khi trả vỏ chai. Vỏ chai sau đó được chế biến lại sử dụng.



Trung Quốc

Lĩnh cảm sản xuất, kinh doanh hộp xốp dùng một lần và các bộ đồ ăn bằng nhựa sẽ được ban hành cấm cuối năm 2020.



Indonesia

Tới năm 2023 hoàn thành dự án xây dựng các nhà máy chế biến chất thải nhựa thành dầu diesel và nguyên liệu nhựa thô.



Hàn Quốc

Thu gom chai lọ nhựa từ các bãi rác công cộng, tái chế thành các mặt hàng tiêu dùng chất lượng cao thông qua hợp tác với doanh nghiệp.



<https://infographics.vn>

<https://www.vietnamplus.vn/infographics-sang-kien-chong-rac-thai-nhua-tren-the-gioi/665493.vnp?gclid=18pid-1>

CHỈ THỊ 06/CT-UBND ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh
(về giảm thiểu rác thải nhựa trong sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh)



Kết quả thực hiện Chỉ thị số 06/CT-UBND



Tổ chức Lễ mittinh hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới năm 2019 với chủ đề “Ô nhiễm không khí và hành động của chúng ta” tại khu du lịch biển Ba Động.

→ Tại buổi mittinh Sở TN&MT trao cho UBND TX Duyên Hải 2.000 quyển tập và 1.000 túi sinh thái, hỗ trợ 2000 tờ bướm tin tuyên truyền về môi trường. Ra quân làm sạch bãi biển tại khu du lịch biển Ba Động, thu gom lượng rác khoảng 0,5 tấn.

75

Kết quả thực hiện Chỉ thị số 06/CT-UBND

Các Sở, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội và địa phương đã xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch. Qua đó đã chi đạo các phòng, ban, đơn vị, các chi tổ hội trực thuộc **phát động phong trào “chống rác thải nhựa”**. Triển khai thực hiện kế hoạch, kết quả có 100% đơn vị trực thuộc đã thực hiện.



76

Kết quả thực hiện Chỉ thị số 06/CT-UBND



Sở TNMT phối hợp với UBND TP Trà Vinh: tổ chức mittinh hưởng ứng Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn, với Chủ đề “Hành động địa phương, tác động toàn cầu”, với khoảng **1.000** người tham dự.

→ Sở TN&MT đã trao tặng **2.000** túi sinh thái và Siêu thị Co.opmart đã trao tặng **1.000** túi sinh thái cho UBND TP Trà Vinh để hỗ trợ cho người tham dự và người dân khu vực các chợ.

77

Kết quả thực hiện Chỉ thị số 06/CT-UBND

UBND các huyện, thị xã, thành phố: xây dựng Kế hoạch và tổ chức các hoạt động thiết thực để hưởng ứng ngày Môi trường thế giới, tổ chức các buổi mittinh tại các xã trên địa bàn huyện để hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới; Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và các hoạt động hưởng ứng khác trên địa bàn quản lý.

Sở TN&MT phối hợp với Liên đoàn lao động tỉnh: tổ chức Lễ phát động ra quân thực hiện tổng vệ sinh, thu gom sản phẩm nhựa dùng một lần tại các cơ quan, đơn vị ngành tỉnh, công viên trung tâm TP Trà Vinh với khoảng **600** người tham dự.

78

Kết quả thực hiện Chỉ thị số 06/CT-UBND

Các Sở ngành, tổ chức chính trị - xã hội và địa phương:

- Sử dụng bình thủy tinh để chứa nước thay thế việc sử dụng các nước uống đóng chai;
- Giảm thiểu việc sử dụng bia nhựa đựng hồ sơ mà thay thế bằng các giỏ xách, túi đeo;
- Khi đi chợ, siêu thị thì sử dụng các loại túi, giỏ dùng nhiều lần, hạn chế sử dụng bọc ni lông để chứa đựng; không mua đồ ăn nhanh, thức uống đựng bằng các hộp nhựa, ly nhựa mà sử dụng bình kim loại để chứa thức uống; sử dụng ly, tách sành sứ để uống nước tại phòng làm việc.



79

